



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

24

Tháng 12 - 2014

HỘI NGHỊ TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ GIẢI THƯỞNG CÔNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2014

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2014



Thủ tướng Lê Quang Hùng phát biểu khai mạc Hội nghị



Thủ tướng Lê Quang Hùng trao Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho các đơn vị có thành tích trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM

24

SỐ 24 - 12/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 2146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 5
- Quyết định số 2241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân giai đoạn đến năm 2020 7

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh 8
- Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình 11
- Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ KIM NHẬN
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LY
ThS. HOÀNG ĐẠI HẢI

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu chế tạo màng phủ kính chống tia UV, tự làm sạch (Mã số: RD 117-13) 15
- Nghiệm thu đề tài “Sổ tay kiểm soát chất lượng thi công xây dựng” 16
- Nghiệm thu đề tài Nghiên cứu xây dựng “Quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực công nghệ xây dựng đến năm 2030” 17
- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống đỡ và nâng của cần trục tháp leo sàn phục vụ thi công nhà nhiều tầng có độ cao lớn” 19
- Nghiệm thu đề tài Công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt 20
- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện công nghệ sản xuất và sử dụng bê tông khí chưng áp (AAC) phù hợp với điều kiện Việt Nam (Mã số: RD 125- 13) 22
- Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chung (QHC) đô thị mới Hòa Lạc đến năm 2030 tỷ lệ 1/10.000 24
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Buôn Trấp là đô thị loại IV 25
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Ngã Bảy là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hậu Giang 26
- Xây dựng hệ thống kết cấu chống động đất mới cho nhà ở khu vực nông thôn 28
- Ứng dụng vật liệu cách nhiệt, kín khí trong xây dựng 30

Thông tin

- Hội thảo tập huấn “Giới thiệu các nội dung quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ngành Xây dựng” 34
- Hội thảo về Thông tư hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá giá dịch vụ thoát nước 35
- Hội nghị trao đổi kinh nghiệm về quản lý chất lượng công trình xây dựng và công bố Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2014 37
- Kinh nghiệm cải cách xây dựng công trình công cộng của các nước phát triển 39
- Phòng ngừa rủi ro cho dự án tổng thầu EPC 41
- Mô hình đô thị vệ tinh của một số nước trên thế giới 44
- Thảo luận về việc xây dựng hệ thống thu gom vận chuyển rác thải khu vực nông thôn 46



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 2146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Ngày 01/12/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với quan điểm: Tái cơ cấu ngành công thương là một hợp phần của tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tổ chức cơ cấu bộ máy hợp lý thông qua các cơ chế, chính sách, phân định rõ vai trò, chức năng của nhà nước và của thị trường theo hướng giảm thiểu các rào cản, các biện pháp can thiệp hành chính, tạo động lực khuyến khích, chuyển dịch, phân bổ nguồn lực theo tín hiệu thị trường nhằm thúc đẩy phát triển ngành; thực hiện tái cơ cấu ngành công thương vừa phải thực hiện theo cơ chế thị trường, vừa phải đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, người dân, doanh nghiệp, thực hiện chuyển mạnh từ tăng trưởng theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, năng suất lao động và giá trị gia tăng của ngành, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu về xã hội; thực hiện tái cơ cấu ngành công thương hướng đến xây dựng cơ cấu hợp lý trong các ngành công nghiệp, thương mại với sự tham gia của các thành phần kinh tế, phát triển công nghiệp gắn với quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung, gắn phát triển ngành công thương với bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sử dụng năng

lượng tiết kiệm, hiệu quả theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh, ổn định và bền vững; gắn nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp với tái cơ cấu ngành, lĩnh vực, tập trung phát triển mạnh một số ngành sản xuất ưu tiên và công nghiệp hỗ trợ để cải thiện, nâng cấp trình độ phát triển một số ngành có khả năng lan tỏa, nhằm thúc đẩy và tạo điều kiện cho các ngành khác cùng phát triển; tiếp tục mở cửa, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, thu hút sự tham gia tích cực của người dân và các thành phần kinh tế, nhất là khu vực tư nhân trong nước và ngoài nước để huy động tối đa và sử dụng ngày càng hiệu quả hơn các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tái cơ cấu là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần phải được thường xuyên đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp với thực tế trên cơ sở xây dựng chương trình hành động để thực hiện và một hệ thống giám sát, đánh giá, tham vấn thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

Về định hướng, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, rà soát, sửa đổi bổ sung các cơ chế chính sách, tạo khung pháp lý minh bạch, thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo mọi điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin có chất lượng, tháo gỡ các khó khăn, rào cản cho phát triển của doanh nghiệp, tạo động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển ngành; nâng cao hiệu quả, cải thiện năng lực sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp

trong ngành thông qua việc xác định lại nhiệm vụ chính, củng cố, sắp xếp lại tổ chức hoạt động, cơ cấu lại vốn chủ sở hữu, tổ chức lại sản xuất kinh doanh, cơ chế quản lý, quản trị nguồn nhân lực, gắn cơ cấu tập đoàn, tổng công ty với tái cơ cấu ngành và tái cấu trúc nền kinh tế; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại trong sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm sản phẩm từ kết quả nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ đổi mới, hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm, nâng cao tỉ trọng nội địa hóa trong chế tạo các hệ thống thiết bị đồng bộ, nâng cao tỉ lệ đóng góp của khoa học công nghệ vào giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp, hoàn thành công tác chuyển đổi mô hình hoạt động của các Viện nghiên cứu thuộc ngành; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng nâng cao năng lực hoạch định chính sách, tổ chức quản lý ngành, phát triển sắp xếp các cơ sở đào tạo thuộc ngành, huy động các trường, các cơ sở đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân tham gia đào tạo mới và đào tạo lại nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành; xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, các tiêu chuẩn môi trường thuộc ngành hoặc tiêu chuẩn quốc tế trong phát triển ngành, kiên quyết không chấp thuận các dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu, sử dụng tài nguyên và năng lượng không hiệu quả, ô nhiễm môi trường; rà soát các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý, kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và chương trình đã được phê duyệt, chỉ được quyết định đầu tư khi dự án đã được lựa chọn theo đúng quy trình và thứ tự ưu tiên, đã xác định nguồn vốn và khả năng cân đối, bố trí đủ vốn hoàn thành dự án đầu tư, tăng cường thẩm quyền và năng lực của hệ thống giám sát đối với đầu tư công, tăng cường chấp hành pháp luật, cơ chế chính sách, nâng cao trách nhiệm

kiểm tra, thanh gia, giám sát trong đầu tư công.

Theo Đề án này, phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên hướng đến tập trung phát triển một số ngành công nghiệp: sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, tạo thị trường cho công nghiệp hỗ trợ phát triển, sử dụng công nghệ cao, tạo nhiều việc làm đòi hỏi trình độ cao, giảm dần các lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản và lao động giản đơn. Cụ thể, đối với ngành công nghiệp nặng, chú trọng đầu tư, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu sản phẩm ở các ngành cơ khí - luyện kim, hóa chất, cao su; tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ trong ngành điện tử, cơ khí; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển cơ khí trọng điểm, khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư tập trung, quy mô lớn trong các ngành thép, kim loại màu, khai thác khoáng sản và hóa chất. Đối với ngành cơ khí, ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm mới và chuyển giao công nghệ, đầu tư một số trung tâm đúc, tạo phôi hiện đại, đồng thời để tập trung phát triển trong giai đoạn đến năm 2020 các sản phẩm máy móc nông nghiệp, linh kiện phụ tùng ô tô, đóng tàu biển..., lựa chọn các dự án điển hình trong các ngành hàng ưu tiên phát triển để thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng, lựa chọn và tập trung đầu tư có trọng điểm cho một số đơn vị nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực tổng thiết kế các chương trình thiết bị đồng bộ và chế tạo sản phẩm cơ khí trọng điểm, đầu tư xây dựng các trung tâm trình diễn cơ khí hóa nông nghiệp. Đối với ngành điện tử, công nghệ thông tin, xây dựng định hướng phát triển và tìm một số khâu đột phá để tập trung đầu tư sản xuất, ưu tiên thu hút các công nghệ hiện đại, sản xuất một số linh phụ kiện chủ chốt nhằm đẩy mạnh hơn nữa trong chuyển dịch cơ cấu, đóng góp lớn hơn vào giá trị tăng thêm của ngành, xây dựng ngành sản xuất linh phụ kiện điện tử theo hướng gắn kết vào chuỗi sản xuất, cung ứng quốc tế, sản xuất một số sản phẩm điện tử - tin

học chất lượng cao để tham gia vào thị trường quốc tế, khuyến khích phát triển các phần mềm, đặc biệt là phần mềm nhúng trong các thiết bị phần cứng, điện tử, viễn thông, đáp ứng nhu cầu nội địa. Đối với ngành thép, chuyển dịch cơ cấu sản xuất sản phẩm từ phát triển số lượng sang nâng cao chất lượng sản phẩm, phấn đấu đạt tiêu chuẩn quốc tế, ưu tiên phát triển các sản phẩm thép hiện nay Việt Nam chưa sản xuất được, chuyển từ quy mô nhỏ, phân tán sang quy mô trung bình và lớn, tập trung phát triển một số doanh nghiệp thép trong nước đạt sản lượng 2 - 3 triệu tấn/năm, có trình độ công nghệ tiên tiến, có tính cạnh tranh cao và thân thiện với môi trường; quản lý chặt chẽ nguồn quặng sắt theo quy định của Luật Khoáng sản và quy hoạch được phê duyệt và nhằm tạo nguồn nguyên liệu cho ngành sản xuất gang, thép, xây dựng lộ trình loại bỏ dần các nhà máy gang, luyện thép và cán thép quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, sử dụng tài nguyên và năng lượng không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ thống phân phối thép phù hợp với mô hình xã hội hóa lưu thông, cơ chế thị trường và phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành. Đối với ngành công nghiệp nhẹ, chú trọng đầu tư, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu sản phẩm ở các ngành dệt may, da giày, nhựa, đồ uống, thuốc lá, giấy, dầu thực vật...; quy hoạch các khu cụm công

ngiệp tập trung có xử lý nước thải đảm bảo môi trường và tập trung phát triển nguyên phụ liệu trong các ngành dệt may, da giày, tập trung và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển vùng nguyên liệu cho các ngành sữa, thuốc lá, giấy.

Đối với lĩnh vực năng lượng, tìm kiếm, đa dạng hóa trong huy động nguồn vốn đầu tư cho phát triển ngành năng lượng, phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý, đầu tư trong và ngoài nước bảo đảm hiệu quả kinh tế và an ninh năng lượng quốc gia; đẩy mạnh, tập trung vốn nhà nước và khuyến khích doanh nghiệp tự bỏ vốn điều tra cơ bản địa chất tìm kiếm, thăm dò đánh giá trữ lượng tài nguyên trên đất liền và thềm lục địa biển Việt Nam làm cơ sở để kêu gọi đầu tư và đấu thầu các hoạt động khai thác mỏ; đẩy mạnh khai thác, chế biến, vận chuyển, tàng trữ, phân phối, dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước, gia tăng trữ lượng, đầu tư mua mỏ ở nước ngoài.

Về hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; hoàn thiện thể chế chỉ đạo, điều phối, thực thi và giám sát thực hiện các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy đàm phán, thực thi các thỏa thuận thương mại quốc tế.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 2241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân giai đoạn đến năm 2020

Ngày 11/12/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2241/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân giai đoạn đến năm 2020 với mục tiêu: Phát triển đồng bộ, toàn diện cơ sở hạ tầng điện hạt nhân quốc gia phù hợp với hướng dẫn của Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế

(IAEA) và thực tiễn Việt Nam, đáp ứng yêu cầu triển khai Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận đảm bảo an toàn, an ninh, hiệu quả; hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách phục vụ phát triển điện hạt nhân; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về cơ cấu, số lượng, chất lượng cho quản lý nhà nước,

hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu và đào tạo, xây dựng và vận hành nhà máy điện hạt nhân; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu và đào tạo, quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường, ứng phó sự cố bức xạ và sự cố hạt nhân đáp ứng yêu cầu trong các giai đoạn triển khai dự án điện hạt nhân; đáp ứng yêu cầu hoàn thành phê duyệt địa điểm, phê duyệt các dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận, bảo đảm các điều kiện, cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc thi công dự án nhà máy điện hạt nhân.

Cụ thể, để hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về điện hạt nhân, cần rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về phát triển điện hạt nhân; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển bền vững điện hạt nhân, bảo đảm hiệu quả, an toàn và an ninh hạt nhân, về đầu tư và bảo đảm tài chính, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và thu hút chuyên gia, cán bộ đáp ứng yêu cầu triển khai dự án điện hạt nhân, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương có nhà máy điện hạt nhân, về chu trình nhiên liệu hạt nhân, quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; xây dựng, ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ

thuật về điện hạt nhân.

Để tăng cường năng lực và đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác quản lý nhà nước, pháp quy hạt nhân, cần tăng cường năng lực đánh giá an toàn, thẩm định và phê duyệt địa điểm, dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và hồ sơ mời thầu nhà máy điện hạt nhân; xây dựng năng lực và đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ quản lý phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân, quản lý tri thức hạt nhân, tiếp thu và làm chủ công nghệ, cấp phép, thanh tra, thanh sát hạt nhân, thẩm định an toàn, giám sát, kiểm tra chất lượng trong quá trình thiết kế, chế tạo, xây dựng, lắp đặt và đưa nhà máy điện hạt nhân vào vận hành. Phát triển công nghiệp hỗ trợ điện hạt nhân, triển khai các dự án thành phần thuộc Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, phát triển hạ tầng phục vụ thi công, đấu nối nhà máy điện hạt nhân vào hệ thống điện quốc gia. Xây dựng năng lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh và bảo vệ thực thể, quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Ngày 03/11/2014, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Quy định này quy định cụ thể chính sách bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con

người, đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người được quy định tại Điều 61, Điều 62 và điểm đ, e Khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quy định này, tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, chi trả trực tiếp cho đối tượng bị ảnh hưởng và thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai và Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Trường hợp nhận thay thì phải có giấy ủy quyền được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức hành nghề công chứng xác nhận theo quy định của pháp luật. Việc chi trả tiền phải thực hiện theo đúng chế độ tài chính quy định hiện hành. Toàn bộ chứng từ liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lưu giữ và quản lý theo quy định hiện hành. Giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định theo quy định tại Mục 3 Chương II Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất. Đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng trên đất được xác định trên cơ sở đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành do UBND tỉnh quy định hiện hành tại thời điểm tính bồi thường.

Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi được thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Luật Đất đai. Diện tích đất thu hồi để lập phương án bồi thường, hỗ trợ là diện tích hiện trạng đang sử dụng hợp pháp được xác định theo tờ trích đo bản đồ địa chính hoặc tờ trích lục bản đồ địa chính hoặc tờ trích lục bản đồ địa chính sau khi đã được đo vẽ chỉnh lý theo quy định. Trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ về quyền sử dụng đất và quy định tại Điều 103 Luật Đất đai. Trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất ở có vườn, ao thì diện tích đất ở được xác định như sau:

Đối với thửa đất đã có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai mà trên giấy tờ đó đã thể hiện rõ phạm vi vị trí đất ở, đất vườn, ao thì căn cứ chỉ giới thu hồi đất và vị trí đất ở, đất vườn, ao trên thực địa để xác định loại đất cụ thể. Đối với thửa đất đã có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất nêu trên mà trên giấy tờ đó không thể hiện rõ phạm vi vị trí đất ở, đất vườn, ao hoặc thửa đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì căn cứ chỉ giới thu hồi đất và hiện trạng sử dụng đất có nhà, công trình phục vụ sinh hoạt để xác định diện tích đất ở nhưng không vượt quá diện tích đất ở được công nhận hợp pháp theo quy định, phần diện tích đất còn lại được xác định là đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai.

Việc bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đồng quyền sử dụng được thực hiện theo nguyên tắc: Trường hợp có giấy tờ xác định được diện tích của từng đối tượng đang sử dụng đất thì phương án bồi thường được lập, phê duyệt, chi trả tiền bồi thường cho từng đối tượng. Trường hợp không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sở hữu riêng của các đối tượng đang sử dụng đất, thì tiền bồi thường về đất cho các đối tượng được xác định trên cơ sở văn bản thỏa thuận của các đối tượng sử dụng đất được UBND cấp xã nơi có đất hoặc tổ chức hành nghề công

chúng xác nhận theo quy định của pháp luật.

Khi Nhà nước thu hồi đất ở thì việc bồi thường về đất thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai và Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, trong đó: Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở bị thu hồi, thì UBND cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế quỹ đất của địa phương để bố trí quy hoạch nhưng tối đa không vượt quá hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở do UBND tỉnh quy định. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì UBND cấp huyện xem xét từng trường hợp cụ thể để giao 1 lô đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư theo quy định.

Việc bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất đủ điều kiện bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành thì được bồi thường bằng tiền theo thiệt hại thực tế. Mức bồi thường cụ thể do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt cùng với phương án bồi thường, nhưng tối đa không quá 50% giá trị đất bồi thường theo mục đích, diện tích đất đang sử dụng bị hạn chế khả năng sử dụng. Riêng đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì được bồi thường tối

đa không quá 30% giá trị đất bồi thường theo mục đích, diện tích đất đang sử dụng bị hạn chế khả năng sử dụng.

Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất nông nghiệp sau khi thu hồi đất, nếu diện tích thửa đất còn lại nhỏ hơn 150 m² hoặc diện tích thửa đất còn lại không thể tiếp tục sản xuất và người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xem xét từng trường hợp cụ thể để đề nghị thu hồi và thực hiện bồi thường theo quy định. Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nông nghiệp còn lại tự nguyện trả lại đất để Nhà nước quản lý hoặc thực hiện việc chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân liền kề hợp thành thửa đất mới để tiếp tục sử dụng.

Việc lập và thực hiện dự án tái định cư được thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Đất đai và Điều 26 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Quỹ đất xây dựng khu tái định cư phải thuộc Đề án phát triển quỹ đất được duyệt, trường hợp nằm ngoài Đề án thì phải được UBND cấp tỉnh chấp thuận. Suất tái định cư tối thiểu tại các phường là 70 m², tại các thị trấn và các xã thuộc thị xã Hồng Lĩnh, thành phố Hà Tĩnh là 100 m², tại các xã miền núi là 200 m², tại các xã còn lại là 150 m². Trường hợp có Dự án tái định cư bằng nhà ở thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Dự án tái định cư nhà ở đã được duyệt để xác định cụ thể suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho suất tái định cư tối thiểu tương đương với giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở tại nơi bố trí tái định cư theo quy định nêu trên.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.hatinh.gov.vn)

**Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Ninh Bình ban hành Quy định về thực hiện trình tự,
thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất,
chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án
đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Ngày 18/11/2014, UBND tỉnh Ninh Bình đã có Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Theo Quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đối với các trường hợp UBND tỉnh quyết định thu hồi đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đối với các dự án còn lại để trình UBND cấp huyện phê duyệt. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đối với các trường hợp UBND tỉnh quyết định thu hồi đất. Nội dung kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43, cụ thể như sau: Lý do thu hồi đất; diện tích, vị trí khu đất thu hồi trên cơ sở hồ sơ địa chính hiện có và hiện trạng sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp thu hồi đất theo tiến độ thực hiện dự án thì ghi rõ tiến độ thu hồi đất; kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; dự kiến về kế hoạch di chuyển và bố trí tái định cư; giao nhiệm vụ lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, UBND cấp huyện phải gửi thông báo thu hồi đất cho từng

người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn quy định thì UBND cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất.

UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi có trách nhiệm phối hợp với cơ quan làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm. Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được vận động, thuyết phục mà người sử dụng đất vẫn không phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc. Người có

đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Trường hợp người có đất thu hồi không chấp hành thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 70 Luật Đất đai.

Cũng theo Quy định này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện UBND cấp xã, đại diện UBMT-TQVN cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền. Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt. Trường hợp người có đất thu hồi không

bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã, UBMTTQVN cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện. Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai.

Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành, hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra.

Nhà đầu tư dự án xây dựng công trình có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Tài nguyên và Môi trường để được nhận bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa. Sau khi chủ đầu tư ký hợp đồng thuê đất, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, lệ phí trước bạ và các khoản thu khác theo quy định thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời gian thực hiện bàn giao đất ngoài thực địa không quá 5 ngày làm việc (không kể thời gian chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị đo đạc để thi công cắm mốc giới) kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.ninhbinh.gov.vn)

Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 21/11/2014, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quy định này quy định một số nội dung cụ thể, các nguyên tắc quản lý, trách nhiệm giải quyết, phối hợp của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới, triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa và quản lý mốc giới, phục vụ công tác quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị (gồm: quy hoạch chung đô thị, đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái, thị trấn, đô thị mới; quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quy định này, đối với Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu đô thị, căn cứ vào các đồ án Quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm lập Kế hoạch cấm mốc giới, trình UBND Thành phố ban hành, làm cơ sở để các đơn vị liên quan triển khai thực hiện cấm mốc giới theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị. Đối với Quy hoạch chi tiết đô thị, công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới và cấm mốc giới ngoài thực địa được triển khai ngay sau khi đồ án Quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt. Công tác triển khai cấm mốc giới các tuyến đường, tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật theo hồ sơ Chỉ giới đường đỏ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt là một nội dung thực hiện cấm mốc giới theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị. Sau khi

có đồ án Quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường hoặc các quy hoạch chi tiết của khu vực có liên quan được phê duyệt sẽ cấm bổ sung mốc giới quy hoạch của các đường ngang, các loại mốc giới còn thiếu. Đối với các tuyến đường giao thông, tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật ổn định (trong quy hoạch xác định giữ nguyên quy mô hoặc phạm vi chiếm dụng theo hiện trạng, không xác định mở rộng), các tuyến đường nội bộ phục vụ trong các khu vực đã được giao cho một đơn vị quản lý và sử dụng hợp pháp, ổn định và phù hợp với quy hoạch không triển khai tổ chức thực hiện cấm mốc giới quy hoạch. Khu vực cấm xây dựng, khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa và các khu cần bảo vệ khác, việc cấm mốc ranh giới giao các cơ quan chuyên ngành triển khai thực hiện cấm mốc giới, quản lý mốc giới theo yêu cầu quản lý, quy định riêng. Trong quá trình lập Kế hoạch cấm mốc giới, thẩm định nhiệm vụ cấm mốc giới, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hoặc UBND cấp huyện (theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy định này), xem xét xác định cụ thể tỉ lệ bản đồ sử dụng cho công tác cấm mốc phù hợp với các đồ án quy hoạch và yêu cầu thực tế, các khu vực, phạm vi không phải cấm mốc giới, đảm bảo tính khả thi trên nguyên tắc phục vụ tốt công tác quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch tại địa phương.

Đối với khu vực đô thị trung tâm, hồ sơ cấm mốc giới các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập trên bản đồ tỉ lệ 1:500. Đối với các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái, thị trấn, đô thị mới, hồ sơ cấm mốc giới các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập trên bản đồ tỉ lệ 1:2.000 hoặc tỉ lệ 1:500 đối với

các khu vực có đồ án Quy hoạch chi tiết, Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường, công trình hạ tầng kỹ thuật, các khu vực phức tạp cần độ chính xác cao.

Kế hoạch cấm mốc giới các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu phù hợp với Kế hoạch phát triển đô thị của thành phố Hà Nội theo Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; phù hợp với các kế hoạch quy hoạch, triển khai lập các đồ án quy hoạch đô thị của thành phố Hà Nội; lựa chọn các khu vực phát triển đô thị trong giai đoạn trước mắt, các Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật ưu tiên. Kế hoạch cấm mốc giới các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu phải xác định rõ các nội dung: Các tuyến đường giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật ưu tiên thực hiện cấm mốc; các khu vực đang (hoặc có kế hoạch dự kiến) lập đồ án Quy hoạch chi tiết trong giai đoạn ngắn hạn (cấm mốc giới sẽ được thực hiện theo đồ án Quy hoạch chi tiết sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt); tiến độ, thời gian, cơ quan tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ cấm mốc, kinh phí lập hồ sơ và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa.

Cũng theo Quy định này, đối với các tuyến đường giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, việc lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc đối với các tuyến đường giao

thông, công trình hạ tầng kỹ thuật được thực hiện đồng thời, lồng ghép cùng với hồ sơ Chỉ giới đường đỏ các tuyến đường giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật. Đối với khu vực có đồ án Quy hoạch chi tiết đang triển khai lập hoặc có kế hoạch lập trong giai đoạn ngắn hạn, việc cấm mốc giới khu vực này được thực hiện sau khi Quy hoạch chi tiết được phê duyệt. Sau khi đồ án quy hoạch đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ, kế hoạch cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo quy hoạch đô thị điều chỉnh thực hiện theo quy định. Thời gian triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa là sau khi hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch đô thị được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo quy định tổ chức triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo hồ sơ cấm mốc giới đã được phê duyệt. Việc cấm mốc giới ngoài thực địa phải được hoàn thành trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ cấm mốc giới được phê duyệt.

Các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu chế tạo màng phủ kính chống tia UV, tự làm sạch (Mã số: RD 117-13)

Ngày 18/12/2014, tại Hà Nội, Hội đồng khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo màng phủ kính chống tia UV, tự làm sạch” do ThS. Trịnh Thị Hằng - Viện Vật liệu Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Báo cáo của nhóm nghiên cứu cho biết, theo thống kê, tốc độ tiêu thụ kính trung bình ở nước ta mỗi năm tăng từ 8 - 10%, dự báo tới năm 2016 lượng kính tiêu thụ hàng năm là 178 triệu m² với đa dạng chủng loại kính tùy theo mục đích sử dụng. Tuy nhiên kính có nhược điểm là cho phép các tia UV, IR truyền qua, làm tăng nhiệt độ trong phòng và có tác hại đối với sức khỏe con người, mặt khác, việc sử dụng kính phải thường xuyên lau chùi để mặt kính luôn sáng bóng. Với những bức vách, vật trang trí, cửa sổ ở dưới thấp có thể dễ dàng làm sạch, nhưng đối với những tấm kính trên cao và nhất là những bức tường làm bằng kính thì vệ sinh là vấn đề khá phức tạp, tốn nhiều thời gian và nguy hiểm. Hiện nay, đã xuất hiện một số biện pháp tạo tính năng cản tia UV, tự làm sạch cho kính như: tạo phủ oxit kim loại hay sử dụng những tấm phim cản tia UV để dán lên sản phẩm kính, tuy nhiên những biện pháp này lại có chi phí khá cao, thực hiện thủ công và tốn thời gian, duy chỉ có biện pháp sử dụng các loại dung dịch màng phủ để cản tia UV, ngăn bức xạ nhiệt, tự làm sạch là biện pháp đơn giản, hiệu quả và phù hợp hơn cả với Việt Nam. Từ thực tế trên, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện VLXD thực hiện đề tài “Nghiên cứu chế tạo màng phủ kính chống tia UV, tự làm sạch”.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS. Trịnh Thị Hằng đã báo cáo trước Hội đồng kết quả của đề tài. Với bản thuyết minh dài 99 trang, nội dung của đề tài gồm 9 phần: Mở đầu; Mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài; Tổng quan



Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu

về tình hình nghiên cứu và sử dụng màng phủ kính cản tia UV, tự làm sạch; Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu; Nguyên vật liệu và phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu; Quy trình sản xuất; Quy trình thi công màng phủ kính; Kết luận và kiến nghị, 03 phụ lục và tài liệu tham khảo.

Theo ThS. Trịnh Thị Hằng, mục tiêu của đề tài là nghiên cứu chế tạo màng phủ có độ bám dính tốt trên kính, cản tia UV và tự làm sạch mà không làm giảm đi nhiều độ truyền quang của kính, có giá thành hợp lý, bảo vệ sức khỏe con người và đồ nội thất, tiết kiệm được chi phí làm sạch, góp phần trong việc an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Các nội dung nghiên cứu bao gồm lựa chọn chất tạo màng phủ hợp, nghiên cứu công nghệ phân tán các hạt nano TiO₂, SiO₂ vào dung dịch chất tạo màng, lựa chọn chất trợ phân tán các hạt nano TiO₂, SiO₂, nghiên cứu cấp phối chế tạo dung dịch cản tia UV, tự làm sạch cho kính, nghiên cứu quy trình thi công, đánh giá chất lượng sản phẩm so sánh với mẫu đối chứng và ứng dụng thử để đánh giá hiệu quả kính tế - kỹ thuật.

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm đề tài đã chế tạo thành công được màng polyme vô cơ

bám dính tốt trên kính; Đã nghiên cứu chế tạo được dung dịch tự làm sạch, cản tia UV trên cơ sở chất tạo màng tự chế tạo và các hạt nano TiO_2 , SiO_2 tại điều kiện nghiên cứu tối ưu; Chỉ tiêu kỹ thuật của màng phủ nghiên cứu đạt các mức đăng ký trong đề cương, như độ cản tia UV, độ truyền quang, hiệu suất làm sạch... sản phẩm của đề tài có chất lượng tương đương với sản phẩm thương mại TitanProtect TA2210 và Clean Seal B. Đề tài đã tiến hành sản xuất 100kg dung dịch tự làm sạch và ứng dụng thử tại 3 cơ sở và nhận được kết quả phản hồi tốt. Sau khi tính toán sơ bộ, sản phẩm hoàn toàn có khả năng cạnh tranh về giá trên thị trường. Từ kết quả của đề tài, có thể khẳng định khả năng chế tạo dung dịch tự làm sạch, cản tia UV từ nguồn nguyên liệu và các thiết bị công nghệ có sẵn tại Việt Nam.

Phát biểu thảo luận về các kết quả của đề tài, các thành viên Hội đồng đã đánh giá cao nỗ lực của mà nhóm nghiên cứu, sản phẩm của đề tài có tính ứng dụng cao, có giá rẻ hơn nhiều so

với sản phẩm nhập ngoại, kết quả thử nghiệm đáng tin cậy, phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam, sau một thời gian thử nghiệm đến nay sản phẩm không có biểu hiện phồng rộp hay rạn nứt. Tuy nhiên, ngoài những ưu điểm đạt được, các thành viên Hội đồng cũng đề nghị nhóm nghiên cứu chỉnh sửa lại một số thuật ngữ chuyên ngành cho chuẩn xác, bổ sung thêm phần giải thích những từ viết tắt để người đọc dễ hiểu.

Chủ tịch Hội đồng Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & MT cũng đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và nội dung thực hiện công phu của nhóm đề tài, đồng thời chỉ đạo nhóm thực hiện cần tiếp tục hoàn thiện đề tài, tiếp tục nghiên cứu lựa chọn những vật liệu phù hợp hơn nữa sao cho giá thành ở mức thấp nhất, mang lại hiệu quả kinh tế cho người sử dụng.

Với kết quả đạt được, đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại xuất sắc.

Bích Ngọc

Nghiệm thu đề tài: “Sổ tay kiểm soát chất lượng thi công xây dựng”

Ngày 19/12/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Sổ tay kiểm soát chất lượng thi công xây dựng” mã số RD 40-12 do Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Trình bày tóm tắt sự cần thiết và các nội dung cơ bản của Sổ tay, PGS.Lê Văn Kiểu - chủ nhiệm đề tài cho biết: Hiện nay rất ít công trường xây dựng có các tiêu chuẩn thi công một cách đầy đủ. Trong khi đó, đối với ngành Xây dựng, chất lượng mỗi công trình xây dựng là yếu tố quan trọng nhất, thể hiện đầy đủ nhất giá trị kinh tế - xã hội của công trình đó. Nghị định số 15/2013/NĐ-CP về Quản lý chất lượng công

trình xây dựng mà Chính phủ vừa ban hành đã quy định rất rõ về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng, quy định về quản lý an toàn, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng, khai thác và sử dụng công trình xây dựng; bảo hành công trình. Để có công cụ thực hiện các quy định của Chính phủ, việc biên soạn “Sổ tay kiểm soát chất lượng thi công xây dựng” là yêu cầu cấp thiết nhằm giúp các nhà thầu, chủ đầu tư cũng như các kỹ sư tư vấn, cán bộ quản lý nâng cao ý thức tuân thủ quy định của các tiêu chuẩn, lập biện pháp thi công phù hợp với từng công trình cụ thể, nâng cao chất lượng thi công, thông qua đó góp phần nâng cao chất lượng các công trình xây dựng.

Sổ tay trình bày những yêu cầu trong các

công tác thi công xây dựng, bao gồm những chỉ tiêu cơ bản, biện pháp kiểm tra - kiểm soát các chỉ tiêu đó trong toàn bộ quá trình thi công. Các chỉ tiêu cơ bản cần kiểm soát để công tác thi công xây dựng đạt chất lượng cao đều nằm trong các tiêu chuẩn – quy chuẩn và chỉ dẫn kỹ thuật mà chủ đầu tư, các nhà xây dựng cần luôn tuân thủ. Đối với công tác lắp đặt máy, nhiều chỉ tiêu là dữ liệu mà nhà sản xuất thiết bị đưa ra nhằm yêu cầu quá trình thi công cần đáp ứng.

Trên cơ sở đó, nhóm biên soạn đã xác định rõ phạm vi đề cập của Sổ tay là các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị. Công trình thủy lợi, thủy điện và công trình giao thông chưa đề cập tới trong Sổ tay này.

Tài liệu tham khảo chính để nhóm biên soạn Sổ tay là “Sổ tay hướng dẫn các yêu cầu tiêu chuẩn đối với chất lượng công tác xây dựng và lắp ghép” (tài liệu của Nga). Qua phân tích, đánh giá kỹ ưu điểm - nhược điểm của tài liệu tham khảo, nhóm biên soạn đã lựa chọn các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu tương ứng với các công tác xây dựng được đề cập (công tác đất, nền móng, bê tông và bê tông cốt thép, công tác hoàn thiện, công tác lắp đặt các thiết bị chủ yếu như điện - nước - thiết bị vệ sinh...) để kiểm soát chất lượng. Đối với mỗi công tác, các tác giả đều thể hiện đầy đủ các yêu cầu tiêu chuẩn đối với phương thức thi công, chất lượng, quy trình thực hiện, kiểm tra và nghiệm thu.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cấp thiết và khả năng ứng dụng thực tế của đề tài. Để Sổ tay được gọn nhẹ, dễ hiểu, dễ sử dụng, các thành



Toàn cảnh cuộc họp Hội đồng nghiệm thu
viên Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến xác đáng về bố cục, câu chữ, về tính cập nhật của các văn bản quy phạm pháp luật.

Tổng hợp các ý kiến, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các đánh giá của Hội đồng; lưu ý nhóm tác giả nghiên cứu về cấu trúc bổ sung thêm các yêu cầu pháp luật đối với việc kiểm soát chất lượng; về các công tác nên bổ sung thêm công tác lắp đặt các hệ thống trong công trình (hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, cửa...), công tác hoàn thiện (đặc biệt phần mái); bổ sung thêm các lưu ý để đảm bảo chất lượng và an toàn lao động. Theo TS. Nguyễn Trung Hòa, Sổ tay sau khi được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến của Hội đồng sẽ là một công cụ hữu ích cho các nhà thầu, nhà quản lý trong việc quản lý chất lượng thi công các công trình xây dựng.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu xây dựng “Quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực công nghệ xây dựng đến năm 2030”

Ngày 23/12/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KH-CN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài Nghiên cứu xây dựng

“Quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực công nghệ xây dựng đến năm 2030” - mã số TC 06-12 do Viện Khoa học Công nghệ

Xây dựng (IBST) chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo tóm tắt nội dung đề tài và quá trình thực hiện, KS. Đỗ Quốc Trung - chủ nhiệm đề tài cho biết: Đối với lĩnh vực công nghệ xây dựng, Việt Nam hiện nay có khoảng 108 tiêu chuẩn bao gồm tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và tiêu chuẩn ngành (TCXD, TCXDVN, TCN). Các tiêu chuẩn phần lớn được biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn các nước Nga, Nhật, Trung Quốc, ISO) nên mang tính thời sự, ít cập nhật, tính đồng bộ chưa cao. Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, để bắt kịp trình độ khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới, yêu cầu nghiên cứu, quy hoạch các tiêu chuẩn lĩnh vực công nghệ xây dựng một cách có hệ thống là rất cấp thiết.

Nhằm các mục tiêu nghiên cứu, đánh giá thực trạng, xu hướng phát triển của hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn trong cùng lĩnh vực; đề xuất danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn cần xây dựng mới/ soát xét; xây dựng kế hoạch thực hiện đến năm 2030, nhóm tác giả đã tiến hành thu thập tài liệu, phân tích đánh giá và lấy ý kiến các chuyên gia, trên cơ sở đó lựa chọn tiêu chí để quy hoạch hệ thống quy chuẩn tiêu chuẩn đối với lĩnh vực liên quan. Qua tham khảo cấu trúc chi tiết các tiêu chuẩn lĩnh vực kết cấu, nhóm đã đề xuất cách phân loại các tiêu chuẩn lĩnh vực công nghệ thành các nhóm và tiểu nhóm, căn cứ vào dạng kết cấu hoặc loại hình công việc. Cụ thể có 13 nhóm: thi công đất, kết cấu nền và móng; thi công kết cấu bê tông cốt thép; thi công kết cấu thép; thi công kết cấu khối xây; thi công kết cấu gỗ; sửa chữa và bảo vệ công trình; thi công lắp đặt trong công trình...

Thông qua việc tham khảo hệ thống và danh mục tiêu chuẩn của một số quốc gia có công tác tiêu chuẩn hóa phát triển, nhóm tác giả đã đề xuất được danh mục các tiêu chuẩn thiết yếu. Tiến độ thực hiện quy hoạch được chia thành 04 giai đoạn, có thời gian thích hợp đáp ứng từng



Toàn cảnh cuộc họp

bước việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn đến năm 2030. Các tác giả cũng chỉ ra rằng: về cơ bản, hệ thống tiêu chuẩn lĩnh vực công nghệ xây dựng của Việt Nam có thể phát triển theo hướng của hệ thống tiêu chuẩn Nga (GOST và SNIIP); còn tiêu chuẩn cụ thể thì có thể tham khảo từ các nước có trình độ khoa học công nghệ phát triển, sau khi nghiên cứu phân tích kỹ các yếu tố đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống.

Theo KS. Trung, lĩnh vực công nghệ xây dựng có thể hiểu theo nghĩa rộng bao gồm nhiều vấn đề, nhiều ngành khác nhau như xây dựng công trình nhà, công trình hạ tầng, công trình giao thông, công trình thủy lợi... Trong phạm vi đề tài, khái niệm “công nghệ xây dựng” là những nội dung liên quan đến quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu các loại công trình thuộc chức năng nhiệm vụ do Bộ Xây dựng trực tiếp quản lý. Riêng các tiêu chuẩn về công tác an toàn trong thi công xây dựng tuy có liên quan tới công nghệ xây dựng, song đã được đề cập tới trong một đề tài khác do IBST thực hiện năm 2012 “Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các chế độ, chính sách, quy định của pháp luật về bảo hiểm lao động, an toàn vệ sinh lao động. rà soát hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về kỹ thuật an toàn lao động, phòng chống cháy nổ đặc thù ngành Xây dựng”, nên các tác giả không đề cập tới trong quy hoạch này.

Nhận xét về đề tài, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao nỗ lực của nhóm tác giả để hoàn thành khối lượng lớn

công việc, cách tiếp cận khoa học. Để đề tài có tính thực tiễn cao, Hội đồng đã đóng góp thêm một số ý kiến: cần nhấn mạnh tính dự báo của quy hoạch; bổ sung thêm một số tiêu chuẩn thiết kế vào hệ thống; xem xét lại lộ trình và soát một số tiêu chuẩn hoặc chỉ dẫn kỹ thuật cho phù hợp hơn với thực tế áp dụng...

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các nhận xét và đánh giá của toàn Hội đồng; lưu ý nhóm tác giả giải trình cụ thể các ý kiến phản biện và ý kiến của Hội đồng;

lưu ý nhóm đánh giá phân tích kỹ tính đồng bộ của từng nội dung trong toàn hệ thống, đồng thời bổ sung một số nội dung (máy móc thiết bị thi công, công trình hạ tầng kỹ thuật, công tác bảo trì, một số công nghệ mới...). Thời hạn để nhóm tác giả hoàn thiện báo cáo trình Bộ xem xét là trước tháng 4/2015.

Đề tài được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống đỡ và nâng của cần trục tháp leo sàn phục vụ thi công nhà nhiều tầng có độ cao lớn”

Ngày 24/12/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống đỡ và nâng của cần trục tháp leo sàn phục vụ thi công nhà nhiều tầng có độ cao lớn” do trường Đại học Xây dựng chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo chủ nhiệm đề tài - PGS.TS. Trương Quốc Thành, đối với các công trình có độ cao lớn từ 120 - 150 m trở lên, quá trình thi công bắt buộc sử dụng cần trục tháp tự nâng nằm trên công trình (cần trục tháp leo sàn) với nhiều ưu điểm vượt trội so với sử dụng cần trục tháp nằm ngoài công trình (giá thành thiết bị và chi phí ca máy thấp, do cần trục tháp leo sàn có thể tận dụng kết cấu nhà/công trình để leo lên theo tầng nên số lượng cốt thép sẽ tiết kiệm được. Đặc biệt, công nghệ này rất có ý nghĩa đối với xây dựng nội đô, nơi mật độ thi công chật hẹp, mật độ xây dựng xung quanh lớn. Hơn nữa, nhiều vị trí thi công nếu sử dụng cần trục tháp nằm ngoài công trình thì tầm hoạt động của cầu sẽ vượt ra ngoài phạm vi công trường, ảnh hưởng nhiều tới giao thông, tới sinh hoạt của



Toàn cảnh cuộc họp

người dân quanh khu vực, vi phạm an toàn lao động. Giải pháp hữu hiệu khắc phục tình trạng này chính là áp dụng cần trục tháp leo sàn.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, cần trục tháp leo sàn cũng có một số nhược điểm nhất định: giá thiết bị nhập khẩu cao, việc tháo dỡ cần trục sau khi thi công xong khá phức tạp, đòi hỏi thiết bị chuyên dùng và thợ lành nghề. Trước thực trạng này, nghiên cứu của trường Đại học Xây dựng rất kịp thời và cần thiết.

Đề tài nhằm mục tiêu thiết lập cơ sở tính toán và đề xuất phương án thiết kế cải tạo cần trục tháp thông thường thành cần trục tháp leo sàn nhằm tiết kiệm chi phí nhập khẩu thiết bị. Ngoài các nghiên cứu về đặc điểm cấu tạo,

biện pháp lắp dựng, nâng đẩy và tháo dỡ cần trục tháp leo sàn, phân tích ưu - nhược điểm, các yêu cầu cơ bản trong việc lựa chọn và bố trí cần trục phục vụ thi công nhà cao tầng; nhóm tác giả còn nghiên cứu thiết kế cải tiến một số loại cần trục tháp đầu quay hiện đang được sử dụng rộng rãi trong nước (với chiều cao nâng từ 80 - 120 m) thành cần trục tháp leo sàn có chiều cao nâng đến 150 m phục vụ thi công xây nhà cao tầng bê tông cốt thép. Kết quả cụ thể, nhóm đã tiến hành thiết kế cải tạo cần trục tháp QTZ63 thành cần trục tháp leo sàn LS-QTZ63, với các thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định trong TCVN 4244:2005 (tải trọng và tổ hợp tải trọng tác dụng lên cần trục). Nhóm đã nghiên cứu xây dựng đồ thị biểu diễn mối quan hệ giữa chiều dài tháp - khoảng cách giữa các khung đỡ tháp - tải trọng tác dụng lên khung đỡ tháp làm cơ sở cho việc lựa chọn và bố trí cần trục trên công trình; tính toán thiết kế khung đỡ tháp; đồng thời đề xuất biện pháp tháo dỡ cần trục sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình. Kết quả chế tạo và thử nghiệm cần trục trên giá thử cũng đã được trình bày cụ thể trước toàn Hội đồng

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá rất cao tính khoa học và tính thực tiễn của đề tài, cũng như chuyên môn cao của nhóm tác giả. Theo đại diện của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng, Công ty CP Lắp máy điện nước & Xây dựng 2 - từ góc độ của các nhà

thầu, nhà xây dựng - đề tài có ý nghĩa kinh tế và ý nghĩa thực tiễn rất lớn; giúp các nhà tư vấn xây dựng lựa chọn biện pháp thi công bằng cần trục tháp leo sàn các công trình siêu cao tầng hoặc công trình thi công trong điều kiện chật hẹp không thể bố trí cần trục tháp nằm ngoài công trình; giúp các nhà xây dựng có thêm cơ sở để tính toán lựa chọn, bố trí, lắp dựng và tháo dỡ cần trục khi tổ chức thi công nhà cao tầng. Sản phẩm khoa học và là sản phẩm thử nghiệm của đề tài (cần trục LS-QTZ63) được đề xuất sắp tới ứng dụng vào thi công tòa nhà 22 tầng tại Cầu Diễn (Hà Nội) và được kỳ vọng sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Để đề tài được hoàn thiện hơn, tính ứng dụng cao trong thực tế, Hội đồng cũng đóng góp thêm một số ý kiến thiết thực, nhất là về vấn đề an toàn khi cần trục tháp vận hành, hoạt động. Liên quan tới một số tính toán tải trọng, các liên kết của giá đỡ với công trình..., Hội đồng đề xuất đưa thêm các khuyến cáo, khuyến nghị để tăng tính thuyết phục cho đề tài.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí hoàn toàn với Hội đồng, đề nghị nhóm tác giả hoàn thiện báo cáo trước tháng 2/2015 trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng hôm nay.

Đề tài được toàn Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lê Minh

Nghiệm thu đề tài Công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt

Ngày 24/12/2014, tại Hà Nội, Hội đồng khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: "Công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt" do TS. Nguyễn Quốc Tuấn - Công ty TNHH Khoa học Công nghệ & Bảo vệ Môi trường làm chủ nhiệm.

Rác thải sinh hoạt nói chung và rác thải sinh hoạt nông thôn đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội. Trong điều kiện kinh tế Việt Nam

chưa đủ kinh phí để xây dựng các nhà máy đốt rác thải tập trung có tận dụng nhiệt để tạo năng lượng, chưa đủ chi phí cho mạng lưới thu gom rác từ các nơi xa trung tâm, vùng nông thôn, hải đảo... thì việc áp dụng công nghệ đốt tại chỗ với loại lò nhỏ là hợp lý để giải quyết tình trạng ô nhiễm rác sinh hoạt hiện nay. Trong thời gian qua, ngoài việc một số công ty thương mại trong nước đã nhập khẩu các thiết bị lò đốt rác



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

từ nước ngoài, tại Việt Nam cũng có một số đơn vị tự thiết kế, chế tạo loại lò này, nhưng trước khi đốt, rác thải phải được hong phơi, đây là yếu tố gây nhiễm không khí tới môi trường.

Xuất phát từ thực tiễn trên, Công ty TNHH Khoa học Công nghệ & Bảo vệ Môi trường đã chế tạo và ứng dụng công nghệ khí hóa chất thải, tạo cho lò luôn luôn có áp suất âm, cấp khí tự nhiên, rác tự cháy, có thể đốt trực tiếp rác tươi mà không cần qua phơi sấy, có giá thành vận hành thấp, phù hợp với điều kiện trong nước.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS. Nguyễn Quốc Tuấn đã báo cáo trước Hội đồng kết quả của đề tài. Với thuyết minh dài 43 trang, đề tài gồm 5 phần: Giới thiệu chung; Giới thiệu công nghệ xử lý chất thải rắn; thiết kế- chế tạo thiết bị; Đánh giá hiệu quả; Kết luận và kiến nghị.

Theo nội dung báo cáo, ưu điểm của công nghệ là có tốc độ đốt rác nhanh do ứng dụng những tiến bộ mới về công nghệ đốt nên lò tuy nhỏ gọn, chiếm ít diện tích mặt bằng, nhưng công suất đốt lại rất cao; lò vận hành khá đơn giản, không đòi hỏi nhiều nhân công, chỉ cần 1-2 công nhân chuyển rác vào lò cho một ca sản xuất; khi đốt ổn định không nhìn thấy khói, rác cháy triệt để, không có mùi; Sử dụng hơi nước tận dụng từ sấy rác để xử lý khói bảo đảm an toàn môi trường là sự khác biệt lớn so với các loại lò đốt rác sinh hoạt hiện có trên thị trường.

Quy trình công nghệ bao gồm 7 phần. Trong đó, đối với công đoạn sấy rác, buồng sấy được

ngăn cách với buồng đốt bằng 2 cửa vòm. Cửa vòm phía dưới để thu nhiệt từ vùng đốt rác quay ngược trở lại để sấy rác nằm trên ghi. Cửa vòm phía trên có tác dụng ngăn hơi nước không đi vào vùng đốt rác làm giảm nhiệt của buồng đốt mà đi thẳng lên trên nóc lò, từ đó hơi nước được dẫn sang xylon để xử lý bụi và khí thải. Ghi lò nằm nghiêng hướng về buồng đốt rác. Như vậy, rác được sấy bằng bức xạ nhiệt và luồng khí nóng từ buồng đốt sang đi từ dưới lên. Sau khi sấy khô ở buồng sấy rác, rác được đẩy vào buồng đốt rác, tại đây rác được bắt lửa tiếp tục cháy nâng nhiệt độ trong lò, đồng thời cung cấp nhiệt cho các tấm tích nhiệt trong lò cho vùng thứ cấp để giữ nhiệt độ. Nhờ sự tích lũy nhiệt, nên nhiệt độ của vùng thứ cấp có thể tăng lên hơn 850⁰C - 900⁰C để đốt cháy các khí hữu cơ khó phân hủy. Khói sau khi đi qua vùng thứ cấp được dẫn vào buồng xử lý khí dạng xyclon. Hơi nước từ buồng sấy rác đi vào tạo dòng xoáy với dòng khí thải để tăng cường sự pha trộn giữa hai pha làm cho bụi và khí rơi xuống đáy lò, khí sạch đi lên buồng làm mát. Buồng ngưng tụ được thiết kế theo phương án trao nhiệt với không khí. Để tăng khả năng trao đổi nhiệt, khí thải được chia ra 4 nhánh. Sau khi giảm nhiệt độ, khí thải được tập trung lại và đi lên ống khói, hơi nước lồi cuốn bụi được ngưng tụ cùng với bụi lắng xuống đáy. Ống khói được làm bằng thép không rỉ SUS 304 chống được sự ăn mòn bởi thời tiết và khí thải. Đỉnh ống khói cao trước đây là 15 m, hiện nay là 20 m để đảm bảo an toàn môi trường xung quanh.

Các thành viên trong Hội đồng đều đánh giá cao tính thiết thực của đề tài trong công tác xử lý rác thải tại các địa phương. Tuy nhiên để đề tài được hoàn thiện hơn, nhóm tác giả cần làm rõ hơn về quy trình vận hành, bổ sung thêm các danh mục chất thải được đưa vào đốt.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, ngoài những ý kiến góp ý của các thành viên trong Hội đồng, nhóm thực hiện cần làm rõ

hơn về nguyên lý của công nghệ, bổ sung các kết quả nghiên cứu thực nghiệm vào trong báo cáo. Đồng thời cũng cần bổ sung thêm thiết bị kiểm soát nhiệt độ tại các buồng để báo cáo được hoàn thiện hơn.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí thông qua

với điều kiện, nhóm thực hiện phải chỉnh sửa và bổ sung các nội dung như đã góp ý và sớm gửi về Vụ KHCN & MT - BXD.

Bích Ngọc

Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện công nghệ sản xuất và sử dụng bê tông khí chưng áp (AAC) phù hợp với điều kiện Việt Nam (Mã số: RD 125- 13)

Ngày 26/12/2014, tại Hà Nội, Hội đồng khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện công nghệ sản xuất và sử dụng bê tông khí chưng áp (AAC) phù hợp với điều kiện Việt Nam” do TS. Thái Duy Sâm - Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam làm chủ nhiệm.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS. Thái Duy Sâm đã báo cáo trước Hội đồng kết quả của đề tài. Với thuyết minh dài 104 trang, đề tài gồm 4 phần: Những vấn đề chung; Tổng quan về sản xuất và sử dụng bê tông khí chưng áp trên thế giới; Thực trạng sản xuất và sử dụng AAC tại Việt Nam; Một số nội dung hoàn thiện công nghệ sản xuất và sử dụng AAC.

Theo nội dung báo cáo, mặc dù hiện nay ở Việt Nam đã có 13 nhà máy đi vào sản xuất với tổng công suất thiết kế 1,95 triệu m³/năm. Nhưng hiện có 6 nhà máy đang dừng hoạt động, 4 nhà máy hoạt động gián đoạn, chỉ có 3 nhà máy hoạt động tương đối liên tục. Đến tháng 24/12/2014, tổng sản lượng khoảng 853 nghìn m³ (riêng năm 2014 đạt khoảng 300 nghìn m³) trong đó xuất khẩu khoảng 290 nghìn m³ (33% tổng sản lượng). Nhìn chung việc tiêu thụ sản phẩm hiện còn rất khó khăn, nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng giảm mạnh, bên cạnh đó còn có các nguyên nhân khác như các dây chuyền đầu tư thiếu



Toàn cảnh buổi họp

đồng bộ, có nơi chất lượng thiết bị kém, trình độ công nghệ của các nhà cung cấp thiết bị yếu, không có sự chuyển giao công nghệ một cách bài bản, do đó các cơ sở sản xuất AAC ở Việt Nam hiện nay chưa làm chủ được công nghệ sản xuất và sử dụng loại vật liệu này, dẫn đến chất lượng sản phẩm không ổn định, có khi không đạt yêu cầu, chi phí sản xuất cao, quy trình thi công sử dụng AAC còn nhiều bất cập, người sử dụng chưa nắm vững các quy trình xây AAC, làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng công trình và hiệu quả thấp.

Để hoàn thiện công nghệ sản xuất và sử dụng AAC phù hợp với điều kiện Việt Nam, cần chuẩn hóa các thông số công nghệ ở các công đoạn, đặc biệt là công đoạn định lượng và trộn hồ AC, công đoạn chưng Autoclave; sử dụng các nguyên liệu có chất lượng đảm bảo và ổn định. Xi măng PC, vôi nung ở nhiệt độ cao, bột

nhôm chất lượng cao...); sử dụng phần mềm tính toán và điều chỉnh thành phần phối liệu AC khi chất lượng nguyên liệu biến động và thay đổi chất lượng sản phẩm; đồng bộ thiết bị (phòng thí nghiệm, các thiết bị công nghệ, hệ thống tự động kiểm soát và điều chỉnh các thông số công nghệ, đặc biệt là ở công đoạn nghiền cát, định lượng và trộn hồ AC, chưng autoclave); bổ sung tiêu chuẩn thiết kế khối xây AAC, hướng dẫn thiết kế cấu tạo tường xây bằng AAC; biên soạn bộ giáo trình đào tạo, tập huấn về công nghệ sản xuất và sử dụng AAC; đào tạo tập huấn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân xây dựng; các nhà thầu phải tuân thủ đầy đủ các quy định của tiêu chuẩn thiết kế - thi công và nghiệm thu khối xây AAC; giám sát thi công, thử nghiệm vật liệu đúng quy định.

Thông qua thực trạng sản xuất và sử dụng bê tông khí chưng áp (AAC) hiện nay, nhóm thực hiện đã đưa ra 4 kiến nghị: Các doanh nghiệp sản xuất và/ hoặc sử dụng AAC kết hợp đơn vị, tổ chức liên quan đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực để nắm bắt, làm chủ được công nghệ sản xuất và sử dụng bê tông khí chưng áp đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng; đẩy mạnh thông tin truyền thông, tiếp thị quảng cáo về bê tông khí chưng áp nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bản chất và tính ưu việt của AAC; Các nhà máy AAC cần tiếp tục đầu tư chiều sâu, bổ sung đồng bộ thiết bị, nâng cao trình độ công nghệ để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường; Bộ Xây dựng chỉ đạo quyết liệt hơn việc thực thi Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn thiết kế- thi công- nghiệm thu kết cấu tường xây AAC, đồng thời, chỉ đạo phát triển sản xuất và cung ứng nguyên - vật liệu, thiết bị - dụng cụ đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và sử dụng AAC về chủng loại, số lượng, đặc biệt là chất lượng;

Chính phủ hỗ trợ tạo lập được thị trường tiêu thụ ổn định cho vật liệu xây nói chung và AAC nói riêng (Phục hồi và phát triển thị trường bất động sản, tích cực thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, tăng đầu tư công, đẩy mạnh thu hút FDI...); đẩy mạnh thông tin truyền thông trong lĩnh vực bê tông khí chưng áp nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bản chất của AAC để có ứng xử đúng và tăng cường sử dụng.

Các thành viên trong Hội đồng đã đánh giá cao những kết quả mà nhóm nghiên cứu đã thực hiện và cho rằng đây là tài liệu tham khảo quan trọng cho các doanh nghiệp và các đơn vị nghiên cứu. Các chuyên gia cũng nhận định, việc ứng dụng và sản xuất AAC trong thời gian qua chưa thực sự hiệu quả như mong đợi, để cải tiến tình hình hiện nay, việc nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kiểm soát chặt chẽ nguyên vật liệu đầu vào và đồng bộ dây chuyền công nghệ là việc làm rất cần thiết.

Chủ tịch Hội đồng Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & MT cũng đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và nội dung thực hiện công phu của nhóm đề tài. Nhóm đề tài đã đánh giá tổng thể bức tranh sản xuất AAC trong và ngoài nước, chỉ ra những nhược điểm của từng nhà máy sản xuất AAC trong nước, từ đó đưa ra những đề xuất và giải pháp phát triển. Chủ tịch Trần Đình Thái cũng cho rằng, việc soát xét lại các tiêu chuẩn và đào tạo tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật để góp phần vào việc phát triển AAC là việc làm quan trọng, ngoài ra, cũng đề xuất Hội LVXD phối hợp cùng các chuyên gia nhanh chóng xây dựng quy trình quản lý sản xuất để giúp các doanh nghiệp có cơ sở thực hiện và đồng bộ, thúc đẩy ngành sản xuất và sử dụng AAC phát triển bền vững.

Với kết quả đạt được, đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại xuất sắc.

Bích Ngọc

Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chung (QHC) đô thị mới Hòa Lạc đến năm 2030 tỷ lệ 1/10.000

Ngày 24/12/2014 tại Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ QHC đô thị mới Hòa Lạc đến năm 2030 (tỷ lệ 1/10.000) đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn. Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ ngành liên quan; đại diện các Hội và Hiệp hội chuyên ngành; đại diện UBND thành phố Hà Nội, Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội; lãnh đạo một số Cục Vụ chức năng Bộ Xây dựng.

Trình bày lý do và sự cần thiết lập quy hoạch, đại diện đơn vị tư vấn (Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội - HUPI) nêu rõ: theo Đồ án QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đô thị mới Hòa Lạc là một trong 05 đô thị vệ tinh trong cấu trúc chùm đô thị của Thủ đô Hà Nội. Đô thị Hòa Lạc được định hướng xây dựng phát triển theo mô hình đô thị hiện đại, chất lượng cao, với các chức năng là thành phố khoa học, công nghệ, đào tạo và là đô thị du lịch nghỉ dưỡng, sẽ hỗ trợ và có sự liên kết chặt chẽ với đô thị trung tâm. Trên địa bàn hiện có một số dự án lớn của quốc gia đã và đang triển khai như Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Đại học Quốc gia Hà Nội, Làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam, Khu du lịch Đồng Mô... Việc nghiên cứu lập QHC đô thị Hòa Lạc tỷ lệ 1/10.000 để triển khai nghiên cứu lập các quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết và khớp nối các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư liên quan trên địa bàn, nhằm xây dựng phát triển đô thị theo đúng định hướng QHC xây dựng Thủ đô là hết sức cần thiết. Nhiệm vụ QHC theo đúng tinh thần công văn số 1237/TTg-KTN ngày 29/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền phê duyệt các đồ án QHC đô thị vệ tinh trên địa bàn thành phố Hà Nội, và công văn số 5807/VP-QHKT ngày 5/9/2014 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng về thẩm



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định

quyền phê duyệt các đồ án QHC đô thị vệ tinh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở các văn bản pháp lý liên quan, đơn vị tư vấn đã xác định vị trí, phạm vi nghiên cứu quy hoạch, quy mô nghiên cứu. Khu đô thị Hòa Lạc nằm ở phía tây đô thị trung tâm thành phố Hà Nội, thuộc địa giới hành chính các huyện Quốc Oai, Thạch Thất và thị xã Sơn Tây; về phía bắc dự kiến giáp trực Hồ Tây - Ba Vì, phía đông giáp đê hữu sông Tích, phía tây và nam giáp ranh tỉnh Hòa Bình. Quy mô diện tích quy hoạch theo đề xuất hơn 17 nghìn ha; quy mô dân số đến năm 2030 xấp xỉ 60 vạn người, ngưỡng phát triển dân số tối đa 75 vạn người (đến năm 2030). Trong báo cáo, tư vấn đề xuất tính chất, chức năng đô thị; các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản, các chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật...; đề xuất xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị (mật độ xây dựng, chiều cao xây dựng tối đa, tối thiểu của công trình - trên cơ sở đề xuất của Bộ Quốc phòng về khu vực kiểm soát không lưu) và nguyên tắc phát triển cho từng khu chức năng; đề xuất giải pháp sử dụng tiết kiệm và hạn chế sử dụng đất nông nghiệp và đất thuộc vùng bảo tồn cảnh quan sinh thái cho các mục đích phi nông nghiệp (cụ thể là tăng cường khai thác quỹ đất

gò đồi, bán sơn địa vào xây dựng và phát triển đô thị; nghiên cứu ranh giới bảo tồn rừng Quốc gia Ba Vì và các hành lang bảo vệ hệ thống sông Tích).

Góp ý cho tư vấn, đại diện các Bộ, ngành có cùng nhận định: đây là đô thị vệ tinh lớn nhất của Hà Nội, có đặc thù là quy mô dân số tương đương với đô thị loại I, và được xây dựng phát triển hoàn toàn mới chứ không phải trên nền một đô thị hiện hữu, nên các chỉ tiêu cũng như nội dung quy hoạch cần được nghiên cứu phù hợp; đặc biệt HUPI cần lưu ý trường hợp thuê tư vấn nước ngoài tham gia thực hiện QHC xây dựng Vùng Thủ đô.

Phát biểu kết luận, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn bày tỏ sự đồng thuận với các ý kiến của toàn Hội đồng, đề nghị tư vấn cần làm toát lên tính chất của đô thị Hòa Lạc - đô thị hiện đại, đô thị công nghệ cao, đô thị sinh thái nghỉ dưỡng

thông qua việc tổ chức không gian (với 04 cụm không gian chức năng chuyên biệt như tư vấn đề xuất, đó là khu Đại học Quốc gia Hà Nội, khu công nghệ cao, khu trung tâm y tế tập trung, khu đô thị sinh thái gắn kết vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng; và 01 không gian hành chính tập trung cần xác định rõ); tạo mối liên kết với các trục giao thông, với khu du lịch Đồng Mô... Thứ trưởng cũng lưu ý tư vấn tập hợp đầy đủ ý kiến của Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Giáo dục Đào tạo, trường Đại học Quốc gia, hoàn chỉnh hồ sơ với đầy đủ tờ trình và dự thảo Quyết định trước ngày 15/1/2015, trên cơ sở đó Bộ Xây dựng sẽ có báo cáo thẩm định và UBND thành phố Hà Nội sẽ sớm trình Thủ tướng phê duyệt Nhiệm vụ.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Buôn Tráp là đô thị loại IV

Ngày 27/12/2014, được sự ủy quyền của Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Đỗ Viết Chiến (Bộ Xây dựng) đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Buôn Tráp (huyện Krông Ana - tỉnh Đắk Lắk) là đô thị loại IV. Đại diện cho Chính quyền địa phương về dự Hội nghị có ông Y Dhăm Ênuôi - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Đắk Lắk; lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh; lãnh đạo UBND huyện Krông Ana, thị trấn Buôn Tráp. Hội nghị còn có sự tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định gồm đại diện các Bộ ngành TW, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, Hiệp hội các đô thị Việt Nam, và một số Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Báo cáo tóm tắt nội dung, lý do và sự cần thiết lập Đề án, Chủ tịch UBND huyện Krông Ana - ông Nguyễn Đình Viên cho biết: thị trấn Buôn Tráp là trung tâm huyện lỵ của huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Đây là đô thị vùng



Ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị phát biểu tại Hội nghị

cao, cách thành phố Buôn Mê Thuật hơn 30 km. Huyện Krông Ana có hệ thống đường tỉnh lộ 2, tỉnh lộ 10, tỉnh lộ 10A và sông Krông Ana đi qua, là địa bàn không chỉ có thế mạnh phát triển cây công nghiệp (đặc biệt cà phê) mà còn là vùng lúa năng suất cao của tỉnh và toàn vùng Tây Nguyên. Buôn Tráp gắn kết với thị trấn

Liên Sơn và hồ Lắk, với những ngôi nhà sàn truyền thống đậm đặc bản sắc văn hóa Tây Nguyên, với nghệ thuật công chiêng, nhạc cụ dân gian và kho tàng văn học truyền khẩu phong phú tạo nên một vùng cảnh quan vừa nên thơ vừa hùng vĩ, chứa đựng tiềm năng du lịch lớn cho tỉnh và toàn vùng.

Từ ngày thành lập (06/3/1984), được sự quan tâm đầu tư của TW, sự nỗ lực của chính quyền và người dân địa phương, thị trấn Buôn Tráp đã có quy hoạch, định hướng phát triển rõ ràng, đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trong phát triển kinh tế xã hội, ngày càng khẳng định vị thế và vai trò quan trọng đối với tỉnh và vùng. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần đây đạt 12,6%. Thu nhập bình quân đầu người xấp xỉ 1.230 USD/người/năm - bằng 0,95% mức bình quân cả nước. Cơ sở hạ tầng được hoàn thiện từng bước, diện mạo đô thị ngày càng khang trang tươi đẹp. Tới nay, Buôn Tráp đã hội tụ đủ các yếu tố để trở thành hạt nhân tăng trưởng vùng phía Nam tỉnh Đắk Lắk, và cơ bản đạt các tiêu chuẩn đô thị loại IV đối với các đô thị vùng cao. Việc lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Buôn Tráp là đô thị loại IV là cần thiết và phù hợp tình hình phát triển chung của tỉnh Đắk Lắk... Việc nâng loại cho thị trấn cũng hoàn toàn phù hợp Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu

dân cư nông thôn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2556/QĐ-UB ngày 29/12/2004, tại đó xác định: Buôn Tráp sẽ trở thành đô thị loại IV, trở thành thị xã trực thuộc tỉnh trong tương lai.

Bên cạnh việc đánh giá cao nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Krông Ana, thị trấn Buôn Tráp cũng như toàn tỉnh Đắk Lắk nói chung, các thành viên Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến xác đáng để địa phương tiếp tục có những cơ chế chính sách phát triển đô thị sau khi được nâng loại, nhằm nâng cao hơn các tiêu chí về hạ tầng đô thị, giao thông, giáo dục, y tế...; nâng cao thực sự chất lượng cuộc sống cho người dân (vì tuy trong Đề án có 44/49 chỉ tiêu đạt, song có tới 13 chỉ tiêu trong số đó đạt thấp, và 6 chỉ tiêu cần áp dụng quy chế đặc thù vùng cao).

Phát biểu kết luận Hội nghị, ông Đỗ Viết Chiến đồng tình với các thành viên Hội đồng, công nhận thị trấn Buôn Tráp đủ điều kiện trở thành đô thị loại IV, với điểm số trung bình 80,98 điểm. Ông cũng lưu ý tỉnh và thị trấn chú trọng hơn nữa tới chất lượng đô thị; xác định rõ lộ trình phát triển, tập trung đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, giao thông, bảo vệ môi trường... tạo cho Buôn Tráp nét đẹp của một đô thị vùng cao, một đô thị giàu truyền thống cách mạng của người dân vùng đất Tây Nguyên anh hùng.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Ngã Bảy là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hậu Giang

Ngày 26/12/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Ngã Bảy (tỉnh Hậu Giang) là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hậu Giang đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh. Tham dự Hội nghị có các thành viên Hội đồng đến từ các Bộ ngành TW, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành, các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây

dựng. Đại diện cho chính quyền địa phương có ông Nguyễn Liên Khoa - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Hậu Giang; lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh; lãnh đạo thị ủy và UBND thị xã Ngã Bảy.

Trình bày lý do và sự cần thiết lập Đề án, đại diện UBND thị xã cho biết: thị xã Ngã Bảy là đô thị lớn thứ hai của tỉnh Hậu Giang, sau thành

phố Vị Thanh, có vai trò là trung tâm kinh tế - xã hội vùng đồng bắc tỉnh. Thị xã có vị trí địa lý đặc thù (nằm trên Quốc lộ 1A, không xa các thành phố Sóc Trăng và Cần Thơ, là điểm đầu của đường Quản Lộ - Phụng Hiệp đi các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cần Thơ), đồng thời là nơi hội tụ của bảy dòng kênh lớn (nên có tên Ngã Bảy) tạo nên mạng lưới sông rạch rất thuận lợi, với trục giao thông thủy quan trọng là sông Hậu. Đây là một trong hai nhánh sông lớn của sông Mê Kông, trục đường chính vào cảng quốc tế Cái Cui - Cần Thơ, là đường thủy Quốc gia từ Tp.Hồ Chí Minh xuyên vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đổ ra biển Tây, nối các tỉnh trong vùng với Campuchia và các nước khu vực ASEAN. Bởi vậy, ngoài lợi điểm là đầu mối giao thông quan trọng trên cả đường thủy và đường bộ của tỉnh Hậu Giang và vùng ĐBSCL, Ngã Bảy còn có tiềm năng lớn phát triển du lịch - thương mại, thu hút các nhà đầu tư khai thác du lịch sông nước, dịch vụ, thương mại và nhiều ngành nghề khác, thông qua các làng nghề truyền thống, chợ nổi (chợ nổi Phụng Hiệp nay là chợ nổi Ngã Bảy được xem là chợ nổi độc đáo nhất và lớn nhất trong ba chợ nổi của toàn vùng ĐBSCL), thông qua các Lễ hội đậm đặc văn hóa dân gian - đặc biệt Lễ hội đua ghe Ngo của đồng bào Khmer Nam bộ.

Ngã Bảy được công nhận là đô thị loại IV vào tháng 1/2005, và trở thành thị xã vào tháng 7 cùng năm. Qua 10 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của Trung ương, cùng với nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân địa phương, Ngã Bảy đã đạt được nhiều thành tích ấn tượng, có những đóng góp to lớn cho sự phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh và của cả vùng ĐBSCL. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thị xã giai đoạn 2011 - 2013 đạt 16,65%; thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 2.197 USD/ người - gấp 1,12 lần so với bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực, khối ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng dần tỷ trọng; trong khi



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

nông lâm thủy sản tuy vẫn được coi là các ngành kinh tế quan trọng của địa phương, nhưng đã và đang giảm dần tỷ trọng trong GDP. Thế mạnh của thị xã là dịch vụ bán buôn, cung cấp nông sản như lúa, mía, thủy sản, trái cây, trao đổi hàng hóa với các địa phương khác trong vùng. Về cơ bản, thị xã Ngã Bảy đã đáp ứng được các tiêu chí của đô thị loại III, căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc nâng loại cho thị xã Ngã Bảy thành đô thị loại III hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch vùng tỉnh; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XII nhiệm kỳ 2010 -2015; Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 16/9/2011 của Tỉnh ủy Hậu Giang về xây dựng thị xã Ngã Bảy đến năm 2015 đạt tiêu chuẩn đô thị loại III. Việc nâng loại cho thị xã cũng là bước hiện thực hóa Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Ngã Bảy đến năm 2025, trong đó xác định: xây dựng Ngã Bảy thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, y tế, dịch vụ và du lịch, đồng thời là đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh và liên tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Tiểu vùng phía Đông và tỉnh Hậu

Giang, và một số lĩnh vực đối với các huyện lân cận của tỉnh Sóc Trăng.

Trong báo cáo thẩm định, đại diện Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng đánh giá cao những kết quả mà thị xã Ngã Bảy đã đạt được trong lộ trình phấn đấu trở thành đô thị loại III, với 28/49 chỉ tiêu đạt tối đa và vượt (nhất là nhóm các chỉ tiêu kinh tế xã hội), 18/49 chỉ tiêu đạt mức, và chỉ có 02 chỉ tiêu chưa đạt (quy mô dân số đô thị và xử lý nước thải sinh hoạt). Các ủy viên phản biện của Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng Kỹ thuật và các thành viên khác trong Hội đồng - bên cạnh một số ý kiến về vấn đề cảnh quan đô thị (bảo vệ cảnh quan sông nước, diện tích cây xanh, công trình điểm nhấn đặc trưng), về hạ tầng đô thị, giao thông thủy...- đều tập trung nhấn mạnh: tỉnh và thị xã cần có những chính sách phù hợp, quan tâm đầu tư thích đáng để phát huy tối đa nét đặc trưng của một đô thị vùng sông nước.

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ sự đồng thuận cao về việc công nhận thị xã Ngã Bảy là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hậu Giang với số điểm trung bình 84,26 điểm. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhấn mạnh: Đây là sự ghi nhận những thành quả đã đạt được của Chính quyền và nhân dân toàn tỉnh Hậu Giang nói chung và thị xã Ngã Bảy nói riêng trên chặng đường 10 năm phấn đấu, đồng thời cũng là tình cảm mà toàn thể Hội đồng gửi gắm tới thị xã, mong muốn thị xã phát huy hơn nữa những thế mạnh tiềm năng của mình, khắc phục những mặt còn hạn



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang Nguyễn Liên Khoa phát biểu tại Hội nghị

chế, đảm đương tốt vai trò chức năng là một trong những cực phát triển lớn của tỉnh và vùng ĐBSCL. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng lưu ý, trong thời gian tới, tỉnh cần xây dựng những cơ chế thu hút mọi nguồn lực, phát triển thị xã theo đúng quy hoạch và kế hoạch, xứng đáng là với vị thế là một trong hai đô thị loại III của tỉnh Hậu Giang.

Thay mặt lãnh đạo địa phương, Phó chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Liên Khoa trân trọng bày tỏ sự cảm ơn và ghi nhận các ý kiến đóng góp rất tâm huyết của các thành viên Hội đồng nhằm giúp cho tỉnh trong việc xây dựng Thị xã Ngã Bảy xứng đáng là một đô thị loại III, đồng thời khẳng định, việc Hội đồng nhất trí thông quan Đề án là một sự kiện có ý nghĩa to lớn đối với thị xã Ngã Bảy, đặc biệt ở thời điểm thị xã chuẩn bị kỷ niệm 100 năm hình thành và phát triển (1915 - 2015).

Lệ Minh

Xây dựng hệ thống kết cấu chống động đất mới cho nhà ở khu vực nông thôn

Cách đây không lâu, tại huyện Lỗ Điện, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc xảy ra một trận động đất 6,5 độ richter gây thương vong nhiều người, đã lại một lần nữa gióng lên hồi chuông cảnh báo về vấn đề an toàn xây dựng ở khu vực nông

thôn. Từ trước tới nay, vấn đề chống động đất trong xây dựng ở nông thôn luôn gặp khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn về người và tài sản của người nông dân. Nhìn chung, phần lớn nhà ở tại khu vực nông thôn thường không

được thiết kế chính quy, kinh tế nông thôn phát triển lạc hậu, kinh phí xây dựng hạn hẹp; ngoài ra, công tác xây dựng nhà ở nông thôn chưa được quan tâm đúng mức, ý thức phòng chống động đất thiên tai còn yếu kém.

Theo GS. Tào Vạn Lâm - Giảng viên trường Đại học Công nghiệp Bắc Kinh - người nhiều năm liền nghiên cứu về vấn đề chống động đất và tiết kiệm năng lượng trong xây dựng nhà ở nông thôn, thì Trung Quốc là một trong những quốc gia hứng chịu thiên tai động đất nặng nề nhất trên thế giới. So sánh với khu vực thành phố, mức độ xảy ra thiên tai động đất của khu vực nông thôn thường xuyên và nghiêm trọng hơn. Vì vậy, tăng cường thiết kế chống động đất cho nhà ở khu vực nông thôn là nhiệm vụ hết sức cấp bách. GS Tào Vạn Lâm cho rằng: “Phần lớn nhà ở khu vực nông thôn đều là do người nông dân tự xây, đa số sử dụng hình thức kết cấu xây dựng dân dụng đơn giản, không đảm bảo về phương thức kết cấu bắt buộc, cường độ kết dính của các vật liệu tường xây kém, nên khi gặp thiên tai dễ bị phá hỏng kết cấu, thậm chí bị sập đổ. Nguyên nhân sâu xa là do phần lớn nông dân thiếu kiến thức về phòng chống động đất, công tác quản lý xây dựng nhà ở nông thôn yếu kém.

1. Chịu ảnh hưởng của điều kiện kinh tế và giá thành

Theo GS. Tào Vạn Lâm, yếu tố điều kiện kinh tế và giá thành là nguyên nhân cơ bản khiến cho khả năng chống động đất của các công trình nhà ở nông thôn kém.

Đa phần do điều kiện kinh tế và kỹ thuật của khu vực nông thôn có hạn, nên tuy hầu hết nông dân đều có nhà ở, nhất là các loại nhà cũ ở nông thôn từ trước thập niên 1980 - 90, nhưng khả năng chống thiên tai động đất của các loại nhà ở này rất kém. Trong khi đó, thiết kế chống động đất cho nhà ở cũng chiếm một tỷ lệ nhất định trong dự toán chi phí xây dựng nhà ở, làm tăng giá thành xây dựng. Do tiềm lực tài chính của người nông dân còn thấp, loại hình nhà ở

nông thôn với chức năng chính là che mưa, che gió vẫn chiếm tỉ lệ rất lớn, một số người dân có điều kiện hơn nhưng nhận thức về vấn đề phòng chống động đất còn hạn chế nên cũng chưa chú ý đến việc đầu tư xây dựng nhà ở đảm bảo tiêu chuẩn về phòng chống động đất.

Quy chuẩn thiết kế chống động đất cho các công trình kiến trúc của Trung Quốc được ban hành lần đầu tiên vào năm 1974, đến nay đã qua nhiều lần sửa đổi bổ sung, bên cạnh đó các tiêu chuẩn, quy tắc về phòng chống động đất trong xây dựng cũng liên tục được ban hành, trong đó có “Quy trình kỹ thuật chống động đất công trình xây dựng nông thôn”. Hiện nay, Trung Quốc có khoảng 20 tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành về phòng chống động đất, cơ bản bao trùm toàn bộ các khâu quản lý thiên tai động đất. Qua một số trận động đất lớn cho thấy, các tiêu chuẩn về phòng chống thảm họa động đất hiện hành của Trung Quốc đã phát huy vai trò rất lớn trong việc phòng ngừa động đất, giảm nhẹ tổn thất về người và tài sản cho người dân. Nhưng việc thực hiện những văn bản kỹ thuật này vẫn cần sự hỗ trợ của các quy định pháp luật hữu quan. Trong khu vực đô thị, từ khâu thiết kế đến thi công công trình thiết lập biện pháp phòng chống động đất đều được thực hiện tương đối đạt tiêu chuẩn, nhưng đối với các loại hình nhà tự xây ở khu vực nông thôn thì việc áp dụng các tiêu chuẩn liên quan còn gặp nhiều khó khăn.

2. Các bên tham gia nâng cao khả năng chống động đất khu vực nông thôn

Hiện nay công tác tuyên truyền, phổ biến, áp dụng tiêu chuẩn phòng chống động đất trong xây dựng nhà ở khu vực nông thôn còn gặp nhiều khó khăn. Theo GS. Tào Vạn Lâm, cần bắt đầu từ công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn động đất cho người dân để từng bước nâng cao khả năng phòng chống động đất khu vực nông thôn.

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục kiến thức phòng chống động đất trong xây dựng nhà

ở đối với các khu vực thường xuyên xảy ra động đất, hướng dẫn người nông dân trước khi xây nhà cần tiến hành thiết kế phòng chống động đất, lựa chọn khu vực xây dựng, tránh xây dựng nhà ở tại các khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của động đất.

- Chính quyền và cơ quan chức năng nên tổ chức bồi dưỡng kiến thức kỹ thuật chống động đất và kỹ thuật xây dựng nhà ở chống động đất cho các kỹ sư, công nhân xây dựng công trình nhà ở khu vực nông thôn, giúp đội ngũ xây dựng nông thôn nắm bắt kiến thức kỹ thuật xây dựng hệ thống kết cấu chống động đất mô hình mới. Tổ chức cho các nhân viên kỹ thuật chuyên ngành quy hoạch, thiết kế, thi công luân phiên phục vụ và tư vấn kỹ thuật chống động đất cho khu vực nông thôn, nâng cao trình độ xây dựng và năng lực phòng chống động đất khu vực nông thôn. Ngoài ra, xây dựng chính sách thưởng, phạt trong xây dựng nhà ở chống động đất khu vực nông thôn, đề xuất các biện pháp và hình thức khuyến khích đối với những người dân tích cực tổ chức xây dựng theo yêu cầu về phòng chống động đất, khuyến khích và hướng dẫn công tác xây dựng nhà ở nông thôn từng bước đạt yêu cầu về thiết kế phòng chống động đất.

3. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng hệ kết cấu chống động đất

GS Tào Vạn Lâm nhấn mạnh: “Tăng cường thiết kế chống động đất cho công trình nhà ở nông thôn là nhiệm vụ vô cùng cấp bách, trong đó hệ kết cấu chống động đất công trình nhà ở nông thôn là khâu mấu chốt trong thiết kế chống động đất, đóng vai trò quyết định về an

toàn.” Ngoài ra, xem xét đến đặc điểm và nhu cầu tiết kiệm năng lượng của khu vực nông thôn, hệ kết cấu này cũng cần đảm bảo hiệu quả về giữ nhiệt, cách nhiệt, thi công nhanh chóng, hạ thấp chi phí. Từ những yêu cầu này, GS. Tào Vạn Lâm kiến nghị, người dân các khu vực nông thôn khi xây dựng nhà ở mới chống động đất thì nên lựa chọn hệ kết cấu chống động đất tiết kiệm năng lượng mô hình mới.

Tại trường Đại học Công nghiệp Bắc Kinh, GS Tào Vạn Lâm đã giới thiệu một số mô hình kỹ thuật chống và cách ly động đất với giá thành rẻ. Ông luôn chủ trương phát huy tối đa lợi thế khu vực xây dựng nông thôn truyền thống và ưu thế tài nguyên, khắc phục chức năng chống động đất, phát triển hệ thống chống và cách ly động đất giá thành rẻ mô hình mới. Bên cạnh đó ông cũng đang nghiên cứu đề tài “Kỹ thuật mới và ứng dụng kết cấu gạch xây chống và cách ly động đất giá thành rẻ cho công trình khu vực nông thôn”, đề tài đã đạt được thành công về chống động đất và cách nhiệt. Đồng thời, nhóm đề tài do ông làm chủ nhiệm cũng đã nghiên cứu một cách có hệ thống kỹ thuật ứng dụng vữa tái sinh trong công trình nhà ở thấp tầng khu vực nông thôn, hình thành nên nhiều hạng mục kỹ thuật có tính ứng dụng cao, vừa đảm bảo chống động đất cho kết cấu nhà ở nông thôn, vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả cách nhiệt cho công trình.

Nhiệm Giai

*Nguồn: báo Xây dựng Trung Quốc,
ngày 24/11/2014*

ND: Hoàng Đại Hải

Ứng dụng vật liệu cách nhiệt, kín khí trong xây dựng

Sự tiến hóa của nền văn minh nhân loại khởi đầu từ việc bảo đảm các yếu tố sinh tồn; và trong thời đại ngày nay, được đánh dấu ở một cấp độ cao hơn - tiện nghi sống. Một trong những khía cạnh của sự tiện nghi đó là những

công trình để con người sinh sống và hoạt động, được phân cấp bởi các tiêu chí của ngành xây dựng thành: các công trình công nghiệp - sản xuất, hành chính, nhà ở và công trình công cộng. Bài báo này đề cập tới các điều kiện sống

tiện nghi trong các công trình nhà ở.

Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga nằm trong miền khí hậu có nhiệt độ trung bình năm ở mức thấp, do đó, việc giữ nhiệt cho các ngôi nhà có tầm quan trọng đặc biệt. Do sự chênh lệch nhiệt độ bên trong và bên ngoài các công trình, trong các kết cấu nhà/ công trình luôn diễn ra những quá trình lý học khác nhau, và điều này cần được tính toán kỹ khi thiết kế, xây dựng và vận hành khai thác nhà/công trình sau này. Chỉ một sơ suất nhỏ, vi phạm các quy luật vật lý có thể dẫn tới sự phá vỡ các kết cấu xây dựng, và ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Các tiêu chí cơ bản để đánh giá sự tiện nghi và bảo đảm sức khỏe cho con người gồm:

- Nhiệt độ tối ưu của môi trường xung quanh;
- Độ ẩm tối ưu của môi trường xung quanh;
- Không có hiện tượng gió lùa và sụt giảm nhiệt độ đột ngột;
- An toàn cho con người.

Việc duy trì nhiệt độ tối ưu trong từng công trình nhà ở là cần thiết. Trong những căn phòng được cách nhiệt luôn cần đảm bảo độ ẩm tối ưu. Nếu không khí trong phòng bị khô đột ngột, màng nhầy của các cơ quan hô hấp sẽ bị khô đi, không thể ngăn bụi và các vi khuẩn có thể gây bệnh. Ngược lại, nếu độ ẩm bên trong các căn phòng tăng lên, nấm mốc sẽ bắt đầu xuất hiện. Điều này cũng nguy hại đối với sức khỏe con người, bởi từ các vết nấm mốc, các chất độc hại và khí độc sẽ phát tán vào không gian của căn phòng.

Nhằm bảo vệ sức khỏe của cư dân trong các ngôi nhà, tốc độ hòa nhập của khối không khí vào bên trong tòa nhà được quy định rõ trong Quy chuẩn SNiP 23-2-2003 “Về tiết kiệm năng lượng và bảo đảm an toàn cho các tòa nhà/ công trình”. Cần lưu ý rằng: trong các phòng ở, tốc độ này thường tùy thuộc vào các kết cấu bao che thẩm khí, vào hệ thống thông khí, vào hiện tượng gió lùa ở bên trong (thường xuất hiện khi có sự chênh lệch nhiệt độ tại các khu vực khác nhau trong mỗi căn phòng và

giữa các phòng trong một căn hộ). Tính an toàn sinh thái của các vật liệu được ứng dụng cũng là một yếu tố quan trọng. Không nên sử dụng những vật liệu có các tính chất lý - hóa có thể gây hại cho sức khỏe con người.

Các bức tường biết “thở”

Trong lĩnh vực nhà ở, nhiệm vụ chủ yếu của ngành xây dựng hiện đại là xây dựng những ngôi nhà tuổi thọ cao, có khả năng đảm bảo hoạt động sống tiện ích cho con người với những chi phí thấp nhất cho công việc này. Các vấn đề khác như bộ mặt kiến trúc của ngôi nhà, các chức năng bổ trợ... chỉ là vấn đề thứ yếu.

Khi nói tới “những bức tường biết thở”, các nhà nghiên cứu muốn nhấn mạnh tới lý tính - trọng lượng riêng, độ xốp, các đặc tính kín khí và kín nước của các vật liệu xây tường.

Đặc tính thẩm thấu (khí) của các bức tường xét về một mặt nào đó là một yếu tố cần; song luồng khí từ bên ngoài thẩm qua tường thường không đủ để bảo đảm sự thoáng khí cho cả ngôi nhà; trong khi đó, các chỉ số thất thoát nhiệt rất cao. Vì vậy, tính thẩm thấu (khí) của các kết cấu bao che trong các tiêu chuẩn xây dựng thường bị hạn chế (đối với nhà ở không quá 0,5 kg/(m² x h) nhằm tiết kiệm năng lượng, để hạn chế gió thẩm qua bề dày các tường và làm mất đi nguồn nhiệt năng quý giá sưởi ấm cho ngôi nhà. Độ thẩm thấu (khí) của một bức tường càng cao, sự thất thoát nhiệt qua tường diễn ra càng mạnh mẽ. Việc thông khí cho các căn phòng cần được thực hiện bằng các giải pháp kết cấu khác.

Để có được nhiệt độ tiện nghi, cần sưởi ấm cho ngôi nhà (khi trời oi nóng - cần điều hòa không khí). Kháng lực đối với sự thất thoát nhiệt là một đại lượng vật lý phụ thuộc nhiều vào các tính chất cũng như độ ẩm của chính vật liệu. Sự dao động của độ ẩm trong các căn phòng và sự tích tụ độ ẩm trong các bức tường - do việc phát tán của hơi nước từ trong các căn phòng ra ngoài đường phố - sẽ khiến đặc tính cách nhiệt của các kết cấu bao che bị kém đi. Chính vì thế,

nhiệm vụ đặt ra khi thiết kế các tường nhà là hạn chế tính bão hòa nước (độ ẩm), ngăn ngừa quá trình suy giảm các tính chất cách nhiệt của vật liệu xây tường. Như vậy, lời giải cho bài toán lựa chọn các giải pháp thiết kế có thể giúp loại trừ các tác động phá hủy của độ ẩm đối với các kết cấu xây dựng sẽ được tìm ra, nếu ứng dụng các vật liệu thẩm thấu (hơi nước).

Nếu xây một bức tường cách nhiệt chịu lực hoàn toàn không thấm, đương nhiên sẽ không nảy sinh bất cứ vấn đề gì tiếp theo, kể cả chuyển động của hơi nước lẫn ngưng tụ hơi nước và tích tụ độ ẩm. Nhưng ở thời điểm hiện tại, những điều đó chưa thể đạt được. Theo quy định, các bức tường cần có khả năng chịu lực cũng như tính cách nhiệt đạt mức cho phép. Chưa có loại vật liệu nào trên thị trường vật liệu xây dựng hiện nay có thể đáp ứng đồng thời các yêu cầu nêu trên, do đó cần ứng dụng các kết cấu đa lớp trong xây tường nhà.

Vấn đề thông khí

Các tiêu chuẩn xây dựng đối với vấn đề thông khí và điều hòa không khí đều xem xét việc thay đổi toàn bộ không khí trong các phòng ở trong vòng 01 giờ đồng hồ. Qua các bức tường, chỉ có 4,6% thể tích không khí theo quy định được lọc sạch. Như vậy, cần luồng không khí từ ngoài vào; và giải pháp hợp lý ở đây không phải là qua tường.

Trong trường hợp nêu trên, độ thẩm thấu (khí) của các vật liệu không thấm nước và không thấm khí như tấm bọt xốp polystyrene chẳng hạn, sẽ không gây bất cứ ảnh hưởng nào tới việc thông khí cho toàn bộ ngôi nhà, bởi vì không khí lọt vào bên trong các căn phòng không phải qua các bức tường.

Phần lớn các vấn đề liên quan phát sinh theo những nguyên nhân như sau:

1. Để tiết kiệm chi phí, các doanh nghiệp quản lý sẽ giảm việc sưởi ấm cho ngôi nhà, bởi vì đa số người dân hiện nay vẫn chi trả cho nguồn nhiệt sử dụng theo biểu giá chứ không phải theo nhu cầu tiêu thụ thực tế. Để đối phó

với nhiệt độ trong nhà bị giảm, người dân buộc phải bít kín các khe cửa sổ, đồng nghĩa với bít kín các kênh thông gió và thông khí;

2. Khi cải tạo một ngôi nhà, các kênh thông gió thường bị rác lấp kín, do đó khả năng lưu thông luồng khí qua các kênh này cũng bị mất hoặc giảm sút đáng kể;

3. Các cửa sổ và cửa ra vào mới được lắp đặt với các vật liệu gia cố, do vậy không khí không thể lọt từ ngoài vào (Trong các tiêu chuẩn của Liên Xô trước đây liên quan tới cửa sổ và cửa ra vào của các công trình nhà ở, việc không khí lọt qua khe hở cũng được chuẩn hóa và được tính tới khi tính toán mức độ thông khí của công trình). Hiện nay, khi lắp đặt các cửa với vật liệu gia cố hiện đại, các nhà xây dựng đã ngăn không khí từ ngoài đi vào trong ngôi nhà, việc thông gió qua các kênh do vậy giảm chất lượng vì thiếu luồng khí. Khách quan mà nói, vì mục đích “ngăn hạn” thì điều này dường như mang lại sự tiện nghi.

Nếu nhìn “dài hạn” hơn, dễ dàng nhận thấy một điều: 03 nguyên nhân cơ bản trên đây sẽ dẫn tới hệ quả là độ ẩm trong một căn hộ bị nâng cao liên tục do thể tích khí được trao đổi không đủ, và những người sinh sống trong nhà dần cảm thấy khó thở. Để làm tươi mát hơn bầu không khí, cần tạm mở cửa thông hơi, cửa sổ con - nhưng cả việc này cũng chưa thể đưa độ ẩm trong các căn phòng về mức tiêu chuẩn. Các bức tường dần nhiễm ẩm theo chiều dày; khi độ ẩm tăng cao, quá trình tích ẩm trong các kết cấu cũng sẽ tăng lên, tính kháng nhiệt của các kết cấu giảm xuống. Hệ quả tất nhiên là nhiệt độ trong các phòng sụt giảm vì tường nhà lạnh hơn. Khu vực tích ẩm trong tường dần ngấm vào bề mặt bên trong. Nấm mốc từ đây sẽ bắt đầu xuất hiện. Như vậy, trong đa số trường hợp, thiếu sự thông khí sẽ dẫn tới tường nhà bị lạnh lẽo và ẩm mốc.

Trong bất kỳ kết cấu xây dựng nào - thẩm thấu hay không thẩm thấu - cũng cần thiết kế những luồng khí tiêu chuẩn. Về cơ bản, công

việc này được tiến hành thông qua các kênh thông gió (thông khí) đặc biệt trong các ô cửa sổ hiện đại có vật liệu gia cố, hoặc qua các kênh riêng biệt (van thông gió riêng). Khi lắp đặt các phụ kiện này của hệ thống thông gió, thông khí và điều hòa không khí, cần có các thiết bị chuyên dụng.

Thực tế ứng dụng tấm bọt xốp polystyrene trong các kết cấu tường nhà

Các tấm bọt xốp polystyrene có hệ số thẩm thấu lý tưởng 0,008 m.h.Pa; nên đây là loại vật liệu cách nhiệt không thể thay thế trong các kết cấu xây dựng, đặc biệt kết cấu tường nhà.

Trên thực tế, khi thi công sửa chữa, nhu cầu cách nhiệt bên trong các căn phòng là rất lớn. Việc cách nhiệt sẽ đạt hiệu quả cao nhất nếu được thực hiện bên ngoài các kết cấu chịu lực của các ngôi nhà, nhưng điều này không khả thi. Phương án nữa là áp dụng các tấm bọt xốp polystyrene theo nguyên tắc: trong tường đa lớp,

theo hướng từ trong ra ngoài, lớp trước có tính thẩm thấu thấp hơn so với lớp sau, do đó các tấm bọt xốp được ứng dụng để cách nhiệt từ bên trong của các bức tường.

Như vậy, để duy trì vùng tiểu khí hậu trong các căn phòng và sự an toàn cho sức khỏe con người, vật liệu cách nhiệt kín hơi không có gì khác biệt so với vật liệu không kín hơi, nếu xét về tính cách nhiệt. Việc ứng dụng bất kỳ loại vật liệu cách nhiệt nào đều đòi hỏi sự tính toán kỹ ở khâu thiết kế, nhằm đảm bảo các giải pháp kết cấu hữu hiệu nhất cũng như các điều kiện tốt nhất của kết cấu trong suốt thời gian khai thác vận hành công trình nhà ở.

G.Emelianov

Nguồn: Tạp chí Vật liệu Xây dựng, thiết bị & công nghệ thế kỷ XXI (Nga) tháng 10/2014

ND: Lê Minh

Hội thảo tập huấn “Giới thiệu các nội dung quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ngành Xây dựng”

Ngày 17/12/2014, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo tập huấn “Giới thiệu các nội dung quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ngành Xây dựng”. Hội thảo thu hút đông đảo đại biểu đến từ các Bộ ngành liên quan; các Sở Xây dựng, các công ty cấp thoát nước, công ty Môi trường đô thị từ Thừa Thiên Huế trở ra; các Viện nghiên cứu, trường Đại học chuyên ngành, các đơn vị tư vấn môi trường ngành Xây dựng; đại diện một số Cục, Vụ chức năng thuộc cơ quan Bộ Xây dựng.

Tới dự và phát biểu khai mạc Hội thảo, TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ & môi trường - Bộ Xây dựng cho biết: Luật Bảo vệ môi trường 2014 (BVMT) đã được Quốc hội khóa XIII thông qua vào tháng 6/2014, và bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015. Để đưa Luật BVMT 2014 đi vào cuộc sống, Bộ Xây dựng tổ chức Hội thảo tập huấn nhằm mục đích giới thiệu những điểm mới của Luật BVMT 2014, đặc biệt những nội dung liên quan trực tiếp tới công tác BVMT thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Đó là các vấn đề quản lý chất thải rắn xây dựng; đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường trong các quy hoạch xây dựng; các vấn đề liên quan tới hạ tầng đô thị như thu gom và quản lý nước thải - rác thải.

Tại Hội thảo, bên cạnh thông tin về những nội dung cơ bản của Luật BVMT 2014 và những đổi mới so với Luật BVMT 2005 do các báo cáo viên từ Vụ Pháp chế - Tổng Cục môi trường - Bộ Tài nguyên & Môi trường trình bày, các đại biểu còn được nghe và cùng thảo luận các yêu cầu của pháp luật BVMT mà ngành Xây dựng cần quan tâm. Liên quan tới nội dung quản lý chất thải xây dựng (chương IX - Quản lý chất



TS. Nguyễn Trung Hòa phát biểu khai mạc Hội thảo

thải), ThS. Nguyễn Thành Yên - Trưởng phòng quản lý chất thải nguy hại, Bộ Tài nguyên & Môi trường cho biết: chất thải rắn (CTR) từ hoạt động xây dựng (kể cả phá dỡ công trình) phải được phân loại và quản lý chặt chẽ để khỏi gây ô nhiễm môi trường, đồng thời tránh lãng phí tài nguyên. Đất, bùn thải từ công tác đất, đào móng được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng hoặc các khu vực phù hợp. Đất đá, CTR từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng) được tái chế làm vật liệu xây dựng, hoặc tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng, hoặc phải chôn lấp trong bãi chôn lấp CTR xây dựng. Các CTR khác có khả năng tái chế như thủy tinh, sắt, thép, gỗ, giấy, chất dẻo đều có thể tái chế, tái sử dụng. Luật cũng quy định rõ: Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành các Thông tư hướng dẫn chi tiết việc phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải xây dựng.

Liên quan tới việc đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường trong các quy hoạch xây dựng (chương II - Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch

bảo vệ môi trường), ThS. Đinh Chính Lợi - Vụ Khoa học Công nghệ & Môi trường, Bộ Xây dựng nêu rõ: công tác đánh giá môi trường chiến lược nhằm mục tiêu lồng ghép xem xét các tác động môi trường vào trong quá trình lập quy hoạch, đồng thời tạo cơ sở đưa ra những quyết định đồng bộ. Các quy định cụ thể về việc lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cho các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị đã được nêu rõ tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, và một số văn bản pháp lý khác. Đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường về bản chất đều dựa trên nguyên tắc cơ bản là phát hiện, dự báo và đánh giá những tác động tiềm tàng của một hoạt động phát triển có thể gây ra đối với môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội, để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý các tác động tới mức có thể chấp nhận được. Cả hai công tác này đều là những nội dung không thể thiếu trong bất cứ một đồ án quy hoạch nào. Trong báo cáo của mình, ThS. Đinh Chính Lợi cũng phân tích sự khác nhau, quy trình lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường khi lập các quy hoạch xây dựng.

Một nội dung nữa liên quan tới ngành Xây dựng được đề cập tới trong Luật BVMT 2014 là vấn đề thu gom và quản lý nước thải - rác thải đô thị. Về vấn đề này, các đại biểu đã được nghe và cùng thảo luận Dự thảo “Quy chế thu



Toàn cảnh Hội thảo

gom, vận chuyển phân bùn bể tự hoại, bùn cặn từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ công trình xử lý nước thải đô thị” do GS.TS Nguyễn Thị Kim Thái - Phó Viện trưởng Viện Môi trường đô thị & KCN Việt Nam trình bày. Dự thảo Quy chế phân định rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên Môi trường và một số Bộ liên quan trong vấn đề quản lý bùn cặn từ hệ thống thoát nước đô thị.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, TS. Nguyễn Trung Hòa đánh giá cao hàm lượng thông tin khoa học của các báo cáo, đồng thời bày tỏ hy vọng các đại biểu sau buổi tập huấn sẽ tích lũy thêm những kiến thức và kỹ năng cần thiết, bổ ích trong công tác BVMT ngành Xây dựng.

Lệ Minh

Hội thảo về Thông tư hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá giá dịch vụ thoát nước

Ngày 18/12/2014, tại Hà Nội, Cục Hạ tầng Kỹ thuật và Vụ Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng) phối hợp với Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) tổ chức Hội thảo về Thông tư hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá giá dịch vụ thoát nước.

Tham dự Hội thảo có TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục hạ tầng kỹ thuật, ông Đỗ Thái Lưu - Phó Vụ trưởng Vụ kinh tế xây dựng, TS.

Dirk Pauschert - Giám đốc chương trình (GIZ), cùng đại diện các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng, đại diện Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài nguyên môi trường, các Sở, ban ngành, các doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp thoát nước cùng đại diện của GIZ.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe đại diện của Cục Hạ tầng kỹ thuật giới thiệu khái quát về Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày



TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục hạ tầng kỹ thuật - BXD phát biểu tại Hội thảo

06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; đại diện Vụ Kinh tế Xây dựng giới thiệu nội dung dự thảo Thông tư hướng dẫn nguyên tắc và phương pháp định giá giá dịch vụ thoát nước (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư), đồng thời, cũng được nghe TS. Dirk Pauschert chia sẻ kinh nghiệm về cải cách lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải; kinh nghiệm về tính toán chi phí thực tế hàng năm cho vận hành bảo dưỡng, ký kết hợp đồng quản lý vận hành, lộ trình giá tại 9 tỉnh và xây dựng định mức chi phí. Ngoài ra, các đại biểu cũng được nghe các địa phương trình bày những tham luận về những cơ hội và thách thức khi chuyển từ phí sang giá trong thực tế công tác xây dựng giá dịch vụ thoát nước.

Theo nội dung dự thảo Thông tư, sau khi có hiệu lực thi hành, Thông tư này sẽ là cơ sở cho việc lập, phê duyệt phương án giá và quyết định giá dịch vụ thoát nước áp dụng tại các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu dân cư nông thôn tập trung. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến hoạt động thoát nước trên lãnh thổ Việt Nam; các tổ chức có thẩm quyền lập, xem xét quyết định phê duyệt giá dịch vụ thoát nước.

Theo nguyên tắc định giá giá dịch vụ thoát nước quy định tại Thông tư này thì giá dịch vụ thoát nước phải được tính đúng, tính đủ giá



TS. Dirk Pauschert - Giám đốc chương trình GIZ trình bày tham luận tại Hội thảo

thành toàn bộ các công việc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu gom, tiêu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải tại khu vực có dịch vụ thoát nước trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố và lợi nhuận định mức hợp lý theo quy định của quy chế tính giá do Nhà nước ban hành và hướng dẫn tại Thông tư này. Việc định giá dịch vụ thoát nước phải gắn với chất lượng cung cấp dịch vụ thoát nước và không phân biệt đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân trong hay ngoài nước, đảm bảo phù hợp với chế độ, chính sách của Nhà nước. Trường hợp giá dịch vụ thoát nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thấp hơn giá dịch vụ thoát nước đã được tính đúng, tính đủ các chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải và mức lợi nhuận hợp lý thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp bù từ ngân sách địa phương để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị thoát nước. Việc định giá giá dịch vụ thoát nước phải căn cứ vào khối lượng nước thải và hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định những điều khoản về nguyên tắc điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước, phương pháp xác định chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước, công thức định giá giá dịch vụ thoát nước và nhiệm vụ tổ chức thực hiện của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Sở, ban ngành hữu quan.

Theo dự thảo Thông tư, Bộ Xây dựng chủ trì, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc xây dựng, ban hành các quy định về quản lý giá dịch vụ thoát nước ở địa phương và kiểm tra việc xây dựng phương án giá; chấp hành pháp luật về giá dịch vụ thoát nước của các đơn vị thoát nước. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý; phê duyệt giá dịch vụ thoát nước giữa đơn vị thoát nước và chủ sở hữu hệ thống thoát nước để xác định giá hợp đồng quản lý, vận hành; tùy theo điều kiện kinh tế xã hội cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lộ trình, mức thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước trên địa bàn. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở liên quan kiểm tra việc xây dựng, thực hiện quyết định giá dịch vụ thoát nước áp dụng cho các đối tượng có liên quan đến dịch vụ này tại địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh; đồng thời tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng để kịp thời theo dõi và điều chỉnh khi cần thiết.

Sau khi nghe đại diện BXD giới thiệu về nội dung Dự thảo Thông tư, các đại biểu đã thảo luận và đóng góp ý kiến cho Dự thảo thông tư.

Theo các đại biểu thì khó khăn hiện nay trong việc triển khai là làm sao tính đúng, tính đủ chi phí quản lý vận hành. Trong bài tham luận của mình, đại diện của Chương trình quản lý nước thải GIZ (WMP) cũng đã chia sẻ kinh nghiệm về tính toán chi phí thực tế hàng năm cho O&M, ký kết hợp đồng O&M, lộ trình giá tại 9 tỉnh, và xây dựng định mức chi phí. Trong đó nêu rõ điều kiện cần thiết để tính đúng tính đủ chi phí quản lý vận hành cần dựa trên cơ sở quy định của Nhà nước về khấu hao, lãi suất, lãi định mức; quy mô và tình trạng của tài sản; định mức chi phí và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng. Ngoài ra các đại biểu cũng cho rằng BXD nên xây dựng định mức cụ thể về giá dịch vụ thoát nước, không tiến hành phân tách giữa đô thị và nông thôn.

Kết thúc Hội thảo, TS. Nguyễn Hồng Tiến cảm ơn những ý kiến đóng góp bổ ích của các đại biểu, đồng thời sẽ xem xét, tiếp thu có chọn lọc để bổ sung, hoàn thiện và sớm ban hành Thông tư góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, đầu tư, xây dựng, vận hành hệ thống thoát nước, đóng góp tích cực cho công cuộc bảo vệ môi trường và thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển bền vững.

Hoàng Đại Hải

Hội nghị trao đổi kinh nghiệm về quản lý chất lượng công trình xây dựng và công bố Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2014

Ngày 26/12/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm về quản lý chất lượng công trình xây dựng và công bố Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2014. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đến dự và phát biểu khai mạc Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện các cơ quan chuyên môn của Bộ Xây dựng và các Bộ, ban ngành Trung ương, các địa phương, các tổ

chức, doanh nghiệp xây dựng, các chủ thể tham gia xây dựng công trình được công nhận đạt chất lượng cao và các đơn vị được Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Bằng khen về thành tích đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết, cuộc vận động “Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng” ra đời từ năm 1999 theo Chỉ thị



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu khai mạc Hội nghị

của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Ban thường vụ Công đoàn Xây dựng Việt Nam. Sau hơn 20 năm triển khai, cuộc vận động đã được sự hưởng ứng của nhiều doanh nghiệp với mục tiêu xây dựng được nhiều công trình chất lượng cao với công nghệ, vật liệu xây dựng tiên tiến góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Năm 2010, qua tổng kết 20 năm thực hiện cuộc vận động, đã có 2.253 công trình và 658 sản phẩm vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng được tặng Huy chương Vàng và Bằng Chất lượng cao, 625 lượt doanh nghiệp được tặng Cờ thi đua xuất sắc về đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng, 7.085 tập thể, cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tại Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng nhấn mạnh bên cạnh việc tôn vinh các doanh nghiệp có công trình đạt Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2014, Bộ Xây dựng mong muốn các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, các tổ chức, đơn vị đạt giải thưởng cùng trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những kinh nghiệm, giải pháp trong tổ chức quản lý chất lượng để đạt được mục tiêu đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, góp phần tạo ra những công trình, sản phẩm xây dựng đạt chất lượng cao, cũng như các ý kiến đóng góp để việc tổ chức các giải thưởng về chất lượng công trình trong thời gian tới đạt hiệu quả thiết thực.

Công bố về giải thưởng Công trình chất



Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Đỗ Văn Quảng và Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Phạm Minh Hà trao Huy chương và Giấy chứng nhận Công trình Chất lượng cao cho các đơn vị đạt giải thưởng

lượng cao năm 2014, ông Phạm Minh Hà - Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho biết, các hình thức giải thưởng về chất lượng công trình đã được thể chế hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, có hai hình thức: Giải thưởng quốc gia về chất lượng công trình xây dựng và Giải thưởng Công trình chất lượng cao. Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng được tổ chức 02 năm một lần. Giải thưởng Công trình chất lượng cao được tổ chức hằng năm.

Các tiêu chí xét tặng Giải thưởng gồm Chất lượng công trình; An toàn trong thi công xây dựng, an toàn phòng, chống cháy, nổ và việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường; Công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình; sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, các quy trình, quy phạm trong xây dựng; Việc thực hiện đúng tiến độ xây dựng công trình đã được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt; Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong xây dựng; Đánh giá của người quản lý, sử dụng công trình và dư luận xã hội về chất lượng công trình tham dự giải thưởng.

Theo đó, các công trình được đăng ký tham gia Giải thưởng là các loại công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông

ng nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật không có vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, đấu thầu, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan. Công trình tham dự xét thưởng là công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng tối thiểu hết thời gian bảo hành tính đến thời điểm đăng ký tham dự xét thưởng. Riêng Giải thưởng công trình chất lượng cao, công trình phải được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng.

Việc đăng ký tham dự xét, tặng giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Hoạt động xét và trao tặng giải thưởng công khai, khách quan, công bằng theo phương pháp chuyên gia đánh giá, cho điểm trên cơ sở các tiêu chí xét thưởng.

Năm 2014, số lượng công trình đăng ký tham gia Giải thưởng công trình chất lượng cao là 75 công trình. Sau một thời gian thực hiện kiểm tra hồ sơ và công trình theo quy định, Hội đồng xét

thưởng đã tổ chức xem xét, đánh giá và trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký 02 Quyết định (Quyết định số 1067/QĐ-BXD ngày 29/8/2014 và Quyết định số 1382/QĐ-BXD ngày 21/11/2014) công nhận cho 50 công trình đạt Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2014.

Tại Hội nghị, các đại biểu tham dự đã nghe các tham luận chia sẻ kinh nghiệm về tổ chức quản lý chất lượng công trình của các Bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; và các đơn vị có công trình đạt chất lượng cao như: Công ty Xây dựng Thành An 96 (Tổng Công ty Xây dựng Thành An - Bộ Quốc phòng), Công ty Xây dựng Hòa Bình, Công ty Xây dựng An Bình, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (Cienco1), Công ty Vinaconex 25; đồng thời chứng kiến Lễ tôn vinh các đơn vị có công trình được nhận Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2014.

Minh Tuấn

Kinh nghiệm cải cách xây dựng công trình công cộng của các nước phát triển

I. Tình hình cải cách xây dựng công trình công cộng tại các nước phát triển

1. Cải cách thể chế đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị ở Anh

Công tác cải cách thể chế đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị ở Anh được triển khai vào cuối những năm 70 của thế kỷ XX trên cơ sở cải cách các doanh nghiệp nhà nước. Do lĩnh vực hạ tầng đô thị của Anh trước đây chủ yếu do doanh nghiệp nhà nước đảm nhiệm, nên việc cải cách các doanh nghiệp nhà nước đã trực tiếp tác động tới việc cải cách thể chế đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị. Bản chất của việc cải cách là loại bỏ sự độc quyền, xây dựng cơ chế cạnh tranh, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ và chất lượng dịch vụ, nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của người dân. Các biện pháp của yếu của cải cách là:

- Bán tài sản nhà nước, thực hiện chuyển dịch tài sản nhà nước từ khu vực nhà nước sang khu vực tư nhân. Đây là biện pháp chủ đạo được lựa chọn trong cải cách thể chế đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị ở Anh, bởi vì, không giống như các nước phương Tây khác, trước cải cách, các công trình công cộng ở Anh cơ bản đều do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 1979, Chính phủ Anh lần lượt bán tài sản nhà nước tại một số công ty nhà nước quy mô lớn cho các doanh nghiệp tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài và cá nhân.

- Thu hút nguồn vốn xã hội tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Trong quá trình cải cách thể chế đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị, đối với các hạng mục hạ tầng có tính chất khác nhau, nước Anh đã áp dụng nhiều phương

thức khác nhau để thu hút nguồn vốn xã hội. Ví dụ, đối với các công trình hạ tầng đô thị có thể thu phí để thu hồi vốn đầu tư, Nhà nước nhượng quyền thu phí để thu hồi vốn cho các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng và vận hành quản lý; đối với các hạng mục có thể thu phí nhưng thông qua thu phí không thể thu hồi hoàn toàn vốn đầu tư, Nhà nước sẽ có chính sách hỗ trợ thích đáng; còn đối với các hạng mục công cộng thuần túy không thể thực hiện cơ chế thu phí, nhà đầu tư tư nhân không thể thu hồi vốn đầu tư, Nhà nước sẽ sử dụng phương thức hợp tác công - tư, hạng mục sẽ do doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng và vận hành kinh doanh, Chính phủ sẽ mua lại các dịch vụ sau khi hạng mục đầu tư được hoàn thành và đi vào vận hành.

2. Cải cách thể chế đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị ở Mỹ

Ở Mỹ, phương thức truyền thống trong xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị là do khu vực tư nhân đảm nhiệm, tuy nhiên Nhà nước thực hiện việc quản lý, kiểm soát rất chặt chẽ. Do đó, công tác cải cách thể chế đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị ở Mỹ có đặc trưng là nói lỏng sự quản lý của Nhà nước. Những kinh nghiệm chính trong cải cách là:

- Hai loại hình quản lý cùng tồn tại, kích thích thị trường cạnh tranh được triển khai toàn diện. Trong quá trình cải cách tại Mỹ, việc nói lỏng quản lý và việc quản lý mang tính chất khích lệ được triển khai đồng thời. Quản lý nói lỏng có nghĩa là Nhà nước nói lỏng và xóa bỏ rất nhiều điều khoản quản lý, ví dụ như chế độ cấp phép được nói lỏng thành chế độ báo cáo, xóa bỏ các điều khoản quản lý mang tính kinh tế. Tuy nhiên, lĩnh vực quản lý nói lỏng chủ yếu là những lĩnh vực mà tính chất độc quyền tự nhiên của các công trình công cộng đã thay đổi. Còn đối với các nghiệp vụ mang tính độc quyền tự nhiên, Chính phủ Mỹ tiếp tục tiến hành quản lý, tuy nhiên việc này đã giúp nâng cao hiệu quả trong việc khích lệ các doanh nghiệp và đã

thêm vào một phương thức quản lý mới - quản lý mang tính khích lệ. Điều này có nghĩa là, trong điều kiện duy trì kết cấu quản lý vốn có, cho phép các doanh nghiệp bị quản lý tận dụng những áp lực trong cạnh tranh để nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh.

- Xây dựng cơ cấu quản lý giám sát độc lập. Cơ cấu này bao gồm Ủy ban Quản lý Liên bang tiến hành quản lý đối với các dịch vụ kinh doanh xuyên các bang, và Ủy ban Quản lý bang- chỉ tiến hành quản lý đối với các dịch vụ kinh doanh trong bang. Cơ cấu quản lý liên bang (ví dụ như Ủy ban Thương mại liên bang, Ủy ban Quản lý năng lượng liên bang, Ủy ban Truyền thông liên bang...) gồm 5 - 7 ủy viên trung lập. Bên dưới Ủy ban có các tổ chức như Ban Thư ký chuyên đảm nhiệm các sự vụ hành chính, Bộ phận thăm dò ý kiến dư luận chuyên phản ánh các ý kiến của người tiêu dùng...). Ủy ban Quản lý bang nhìn chung có cách tổ chức tương đồng với cơ cấu quản lý liên bang. Những cơ cấu này có 3 quyền lực trong quản lý: Một là, phê duyệt giấy phép kinh doanh; Hai là, quy định phí vận chuyển và giá cả; Ba là, phê chuẩn các quy định nội bộ trong tổ chức doanh nghiệp. Cơ quan quản lý và cơ quan chủ quản ngành nghề tách biệt với nhau.

II. Thể chế đầu tư tài chính trong lĩnh vực hạ tầng của các nước phát triển

1. Xây dựng chế độ cạnh tranh và hoàn thiện quyền sở hữu

Việc cải cách thể chế đầu tư tài chính trong lĩnh vực hạ tầng đô thị, để đạt được mục tiêu quan trọng trong việc thúc đẩy cạnh tranh, lựa chọn chủ thể kinh doanh cơ sở hạ tầng, Chính phủ các nước đã lựa chọn một loạt biện pháp khích lệ cạnh tranh và hoàn thiện chế độ quyền sở hữu. Những năm 80 của thế kỷ XX, nước Anh đã khởi đầu bằng việc cải cách viễn thông, lần lượt tiến hành tư nhân hóa đối với các doanh nghiệp độc quyền tự nhiên trong các lĩnh vực như điện lực, khí đốt, cung ứng nước sạch, vận chuyển đường sắt..., đồng thời sử dụng nhiều

biện pháp để nâng cao tính cạnh tranh. Phương thức xử lý truyền thống của các doanh nghiệp độc quyền tự nhiên tại Mỹ là lấy kinh tế tư nhân làm chủ đạo, Chính phủ sẽ tiến hành đưa ra những quy định quản lý, kiểm soát. Sự cải cách chế độ quyền sở hữu của doanh nghiệp không phải là trọng điểm mà trọng điểm nằm ở việc sử dụng các biện pháp như tổ chức kết cấu... để thúc đẩy sự thiết lập của cơ chế cạnh tranh.

2. Nhiều phương thức thu hút vốn đầu tư xã hội tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng

Thu hút vốn đầu tư xã hội tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng trở thành biện pháp phổ biến mà các nước sử dụng trong cải cách. Nhà nước thông qua việc cho phép các nhà đầu tư tư nhân tham gia lĩnh vực cơ sở hạ tầng đô thị nhằm tìm kiếm nguồn đầu tư mới có kiến thức kỹ thuật chuyên ngành tương ứng, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành kinh doanh, giảm thiểu sự phụ thuộc vào Ngân sách nhà nước. Phạm vi mà nhà đầu tư tư nhân ở Mỹ tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng rất rộng, mức độ tham gia cũng khá cao. Ví dụ như việc xây dựng các tuyến đường sắt tại Mỹ, tuy có sự tham gia của Chính quyền liên bang và Chính quyền địa phương, xong nguồn vốn đầu tư tư nhân là chủ đạo. Trong số các cơ cấu tư nhân này vừa bao gồm các ngân hàng đầu tư có quy mô lớn lại vừa bao gồm các doanh nghiệp tư nhân có mức đầu tư khá nhỏ và các nhà đầu tư xây dựng đường sắt mới. Về phương diện nguồn vốn xã hội kiểm soát quyền định giá của doanh nghiệp xây dựng cơ sở hạ tầng, Chính phủ quy định có thể do doanh nghiệp tự chủ định giá, tỷ lệ lợi nhuận đầu tư của doanh nghiệp có thể cao hơn

mức lãi suất thông thường trên thị trường. Trong quá trình thu hút nguồn vốn xã hội tham gia vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng, nước Anh cũng đã sử dụng rất nhiều biện pháp, ví dụ như đầu tư đơn lẻ, liên doanh, hợp tác, cổ phần, nhượng quyền kinh doanh, phát hành trái phiếu..., không ngừng tìm kiếm những nhà đầu tư có tiềm năng.

3. Kiện toàn các quy định pháp luật

Công tác cải cách thể chế đầu tư xây dựng các công trình công cộng được các nước phát triển rất coi trọng. Trong toàn quá trình cải cách, các nước đã đề ra các quy định pháp luật chi tiết và hoàn thiện. Ví dụ như nước Mỹ, từ năm 1976 đến năm 1982, chỉ trong lĩnh vực giao thông vận tải đã ban hành rất nhiều bộ luật như “Dự luật Cải cách chấn hưng và quản lý đường sắt”, “Luật Nói lỏng quản lý vận chuyển hàng hóa hàng không”, “Luật Nói lỏng quản lý vận chuyển hành khách hàng không”, “Luật vận tải cơ giới”, “Luật đường sắt”, “Luật Cải cách quản lý xe buýt”..., đồng thời tiến hành quy định đối với việc cải cách các doanh nghiệp giao thông vận tải. Năm 1996, nước Mỹ lại thông qua một luật mới là “Luật Viễn thông” nhằm thúc đẩy cải cách thị trường viễn thông nước Mỹ, giúp toàn bộ quá trình cải cách có cơ sở pháp lý. Trong quá trình thúc đẩy cải cách các doanh nghiệp độc quyền tự nhiên, nước Anh cũng đã đưa ra rất nhiều bộ luật nhằm bổ sung căn cứ pháp luật cho việc thực hiện cải cách.

Nhậm Đan

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 2/2014*

ND: Kim Nhạn

Phòng ngừa rủi ro cho dự án tổng thầu EPC

EPC là mô hình tổng thầu bao gồm thiết kế, mua sắm, thi công, lắp đặt và vận hành chạy thử trước khi bàn giao, còn được gọi là mô hình chìa khóa trao tay. Mô hình này chủ yếu thích hợp với những dự án đòi hỏi tính chuyên nghiệp

cao, có yêu cầu kỹ thuật cao, kết cấu và công nghệ tương đối phức tạp và những dự án đầu tư lớn mang tính một lần. Doanh nghiệp nhận tổng thầu một dự án phải đối mặt với rất nhiều rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. Do đó, để

phòng ngừa, giảm thiểu các rủi ro, các doanh nghiệp tổng thầu cần có những biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả.

1. Những rủi ro của tổng thầu EPC, ngoài rủi ro về pháp luật

Những rủi ro về thiết kế

Thông thường chi phí thiết kế chỉ chiếm dưới 5% tổng chi phí xây dựng công trình, nhưng thành quả của thiết kế có thể ảnh hưởng đến trên 70% tổng chi phí xây dựng công trình và toàn bộ dự án. Do đó kiểm soát thiết kế có ý nghĩa hết sức quan trọng của dự án.

Trước tiên, cần nghiên cứu kỹ các yêu cầu của chủ đầu tư. Trước khi đấu thầu, cần nghiên cứu kỹ nội dung trong văn kiện mời thầu của chủ đầu tư, nếu trong yêu cầu của chủ đầu tư có sai sót thì phải đề nghị chủ đầu tư sửa chữa. Nếu chủ đầu tư từ chối sửa chữa thì sau khi đã trúng thầu, trong hợp đồng phải quy định thêm phạm vi trách nhiệm của chủ đầu tư. Sau đó, cố gắng tránh sử dụng những thiết kế thích ứng mang tính tiêu chuẩn, đặc biệt là một số dự án công trình sử dụng những công nghệ mới và rủi ro của các khả năng ứng dụng này là rất lớn. Nhà thầu nếu như bắt buộc dĩ phải chấp nhận điều khoản về khả năng ứng dụng thì nên dự báo chính xác các rủi ro để có thể phòng ngừa hoặc giảm thiểu. Cuối cùng, có thể chuyển rủi ro thiết kế thông qua việc ký hợp đồng thuê thầu phụ thiết kế. Nếu thành lập liên danh nhà thầu thiết kế - thi công thì nên hiệp thương về việc phân định trách nhiệm đối với những rủi ro thiết kế giữa bên thiết kế và bên thi công.

Rủi ro trong thi công

Thông thường, nhà tổng thầu phải tiến hành giám sát, kiểm soát và quản lý việc thi công của các nhà thầu phụ. Trong giai đoạn thi công, để tránh những rủi ro, nhà tổng thầu cần thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

- Lựa chọn nhà thầu phụ thích hợp: Ưu tiên chọn những nhà thầu phụ có truyền thống hợp tác tốt với tổng thầu và thẩm tra chặt chẽ năng lực của nhà thầu phụ.

- Ký kết hợp đồng với nhà thầu phụ: Các điều khoản trong hợp đồng phải rõ ràng, hai bên cùng hiểu rõ. Bên cạnh đó, cần đặc biệt chú trọng việc kiểm tra các nội dung trong hợp đồng như phạm vi công trình, giá hợp đồng, điều kiện thanh toán và điều khoản xử lý vi phạm... tránh các trường hợp vì hợp đồng không rõ ràng hoặc giới hạn không rõ mà có thể dẫn tới những rủi ro khó lường. Nên có ý thức trong việc giải quyết một cách có hiệu quả những rủi ro về pháp luật giữa hợp đồng của tổng thầu với nhà thầu phụ, yêu cầu hợp đồng của nhà thầu phụ chấp nhận các điều khoản có liên quan trong hợp đồng tổng thầu.

Thông qua cơ chế bảo đảm để giải quyết rủi ro

Dự án EPC có đặc điểm mang tính tương đối phức tạp, rủi ro cao... mà nhà tổng thầu quyết định mạo hiểm rủi ro để thu được lợi nhuận cao. Trong thực tiễn, có thể thử nghiệm thông qua cơ cấu chuyên nghiệp để tránh hoặc chuyển đi một phần của những rủi ro đó.

Một giải pháp là yêu cầu nhà thầu phụ cung cấp có bảo lãnh đối ứng để giảm bớt rủi ro cho tổng thầu. Trong hợp đồng với thầu phụ, tổng thầu có thể yêu cầu nhà thầu phụ cung cấp có cam kết về bảo lãnh đối ứng.

Ngoài ra còn một cách khác, đó là sử dụng sự bảo đảm của bên thứ 3 để di chuyển rủi ro. Trường hợp chủ đầu tư không kịp thời thanh toán theo tiến độ dự án, khiến tổng thầu gặp rủi ro về dòng tiền, đó là một rủi ro nghiêm trọng. Do đó, đối với tổng thầu, ngoài việc yêu cầu chủ đầu tư cung cấp nhiều bảo đảm hơn, thì còn có thể hướng tới bên đảm bảo thứ ba để di chuyển rủi ro. Khi xảy ra tình trạng nêu trên, thì bên đảm bảo thứ ba phải thay mặt chủ đầu tư thanh toán các chi phí thực hiện cho tổng thầu. Tuy biện pháp này có thể làm giá thành công trình tăng lên, nhưng từ góc độ kiểm soát rủi ro thì lại rất quan trọng và cần thiết.

Thông qua bảo hiểm để giải quyết rủi ro

Nên chọn biện pháp mua bảo hiểm trách nhiệm thiết kế để chuyển rủi ro thiết kế sang

sang các công ty bảo hiểm. Bảo hiểm trách nhiệm được phân cho tổng thầu hoặc nhà thầu phụ, người nhận được lợi ích đầu tiên là chủ đầu tư. Khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, bên nhận bảo hiểm sẽ căn cứ hợp đồng bảo hiểm để bồi thường cho chủ đầu tư. Việc mua bảo hiểm trách nhiệm thi công công trình sẽ di chuyển rủi ro trong thi công sang cho công ty bảo hiểm, đối với những công trình lớn hoặc những công trình sử dụng những công nghệ mới hay nguyên vật liệu mới thì nên ủy thác cho công ty bảo hiểm kinh tế để đảm bảo một cách cụ thể trong việc giải quyết hiệu quả trách nhiệm bảo hiểm.

2. Giải quyết những rủi ro pháp luật của dự án EPC

Chú trọng giai đoạn hợp tác đấu thầu

Trước khi tham gia đấu thầu, các bên thiết kế và thi công cần theo nghiên cứu thời kỳ thời gian chuẩn bị của dự án và các tài liệu liên quan đến dự án. Từ góc độ thiết kế và thi công, tiến hành ước lượng chính xác giá thành của dự án, đưa ra các đánh giá về những rủi ro có thể xảy ra. Khi đấu thầu, cần có tư vấn pháp luật về mời thầu và đấu thầu, tiến hành thẩm tra trình tự cụ thể của công việc mời thầu, đấu thầu dự án và các loại văn kiện mời thầu hợp pháp của dự án. Tiến hành kiểm tra kỹ các tiêu chuẩn đối với bên hợp tác, yêu cầu có tư chất tương ứng của doanh nghiệp thi công, khả năng kỹ thuật, điều kiện đủ tiêu chuẩn quản lý dự án, tình trạng tài chính... phải thỏa mãn yêu cầu của các văn kiện mời thầu đưa ra.

Tăng cường quản lý giám sát toàn quá trình của công trình

Do nhà tổng thầu phụ trách toàn bộ công trình cho chủ đầu tư, nên sau khi nhận tổng thầu công trình thì nhà tổng thầu với bên thiết kế và bên thi công có chung các lợi ích. Vì thế, tổng thầu cần tiến hành quản lý một cách có hiệu quả nhất đối với toàn bộ quá trình thi công công trình, loại bỏ tư tưởng phải thu phí quản lý thì mới có thể đảm bảo một cách tốt hơn về lợi

nhuận của dự án. Việc quản lý toàn bộ quá trình của dự án EPC cũng là quá trình hợp tác giữa thiết kế và thi công, bao gồm một chuỗi liên kết các giai đoạn và cơ chế có liên quan mật thiết. Một mặt làm tốt việc kiểm soát tiến độ thi công, sau khi thầu phụ nhập cuộc thì kết hợp với tình trạng thực tế của hiện trường để đưa ra kế hoạch cho tiến độ thi công một cách chi tiết, đồng thời tiến hành quản lý giám sát toàn quá trình đối với việc thực thi kế hoạch. Hai là làm tốt việc kiểm soát chất lượng thi công, đối với nhà thầu phụ cần nghiêm túc thẩm tra thiết kế tổ chức thi công, cần theo dõi sát sao hiện trường và những bên có liên quan để làm tốt công việc nghiệm thu. Thứ ba là làm tốt công tác an toàn thi công, nỗ lực chấp hành những hướng dẫn trong an toàn thi công, bên tổng thầu cần thường xuyên kiểm tra hiện trường và kịp thời loại bỏ những vấn đề mất an toàn trong thi công, ngăn chặn những sự cố phát sinh. Bốn là làm tốt việc kiểm soát chi phí thi công, cần nghiêm túc dựa theo tiến độ thi công để thanh toán, không được trả chậm hoặc thanh toán trước tiến độ. Đồng thời cần quản lý giám sát thầu phụ trong việc trả tiền công cho người lao động, đảm bảo giải quyết đến nơi đến chốn, phòng tránh phát sinh tranh chấp.

Kịp thời ứng phó với những thay đổi của công trình

Theo mẫu hợp đồng tư vấn quốc tế FIDIC đối với dự án EPC, khi chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay đổi trong dự án thì nhà tổng thầu phải tuân thủ và chấp hành, trừ khi việc thay đổi đó có ảnh hưởng lớn. Khi đó, nhà thầu phải có văn bản giải trình chi tiết với chủ đầu tư: thứ nhất, nhà tổng thầu khó tìm được hàng hóa cần thiết để thực hiện thay đổi; thứ hai là, nếu thay đổi sẽ làm giảm đi tính phù hợp hoặc tính an toàn của công trình; thứ ba là, việc thay đổi sẽ phát sinh những ảnh hưởng bất lợi trong việc hoàn thành tiến độ theo hợp đồng. Chủ đầu tư sau khi nhận được văn bản của nhà thầu phải có văn bản hủy bỏ xác nhận hoặc thay đổi chỉ

tiêu vốn có. Thay đổi thiết kế là một loại thay đổi của dự án. Dựa theo quy định như trên, nhà thầu sau khi nhận được chỉ thị thay đổi liên quan đến thiết kế của chủ đầu tư thì cần kiểm tra một cách chặt chẽ những thay đổi về thiết kế để tránh mang lại rủi ro cho chính mình, nếu những quy định trên đây mà xảy ra những tình trạng ngoài ý muốn làm ảnh hưởng bất lợi tới tổng thầu thì phải có văn bản giải trình rõ ràng cho chủ đầu tư để chủ đầu tư có thể sửa chữa hoặc bãi bỏ yêu cầu. Nếu việc thay đổi không

ảnh hưởng bất lợi cho tổng thầu thì tổng thầu cần dựa theo quy định trong hợp đồng EPC về các trình tự thay đổi, tính toán chi phí do việc thay đổi thiết kế để đề nghị chủ đầu tư bổ sung kinh phí..., để giảm các rủi ro về thanh quyết toán sau khi hoàn thành dự án.

Nhiều Sư Chiêu

*Nguồn: Tạp chí xây dựng Trung Quốc,
số 12/2014*

ND: Khánh Ly

Mô hình đô thị vệ tinh của một số nước trên thế giới

Đô thị vệ tinh đóng vai trò giải quyết các vấn đề đang tạo áp lực cho đô thị trung tâm, có chức năng thúc đẩy đô thị hóa ở các vùng nông thôn xung quanh đô thị vệ tinh. Đặc biệt trong khoảng thời gian sau khi đô thị bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, đô thị vệ tinh còn đóng vai trò tích cực trong việc giúp giảm sự gia tăng dân số đô thị, giảm tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường ở đô thị trung tâm... Các thành phố lớn ở Trung Quốc như Bắc Kinh, Thượng Hải... từ những năm 1950 đã bắt đầu nghiên cứu về quy hoạch đô thị vệ tinh, tuy nhiên, do những hạn chế về kinh tế và xã hội, nên mãi đến sau khi cải cách mở cửa, phát triển kinh tế thị trường, thì đô thị vệ tinh mới dần dần phát huy được vai trò và giá trị.

Nhìn chung, lịch sử phát triển đô thị vệ tinh ở Trung Quốc chỉ mới diễn trong khoảng thời gian ngắn nếu so sánh với các đô thị lớn trên thế giới như Paris, London, New York... đã đi qua một chặng dài trên con đường công nghiệp hóa và đô thị hóa. Thực tiễn cũng cho thấy, quy hoạch và xây dựng đô thị vệ tinh luôn song hành cùng với tiến trình mở rộng đô thị trung tâm, điều này không chỉ làm giảm đáng kể các căn bệnh chung mà đô thị gây ra, mà còn tạo ra một quần thể đô thị lớn, tăng cường khả năng cạnh tranh cho khu vực.

1. Mô hình đô thị vệ tinh của Anh

Là một nước công nghiệp đầu tiên trên thế giới, nên việc quy hoạch và xây dựng đô thị vệ tinh cũng được nước Anh chú trọng và thực hiện trước các nước khác. Vào cuối thế kỷ XIX, do chịu sự ảnh hưởng bởi lý luận Garden City (mô hình thành phố vườn) của một học giả người Anh tên là Howard, năm 1903, tại một khu vực ngoại ô nằm cách thủ đô London 56 km về phía Bắc, nước Anh đã xây dựng một đô thị vệ tinh theo mô hình thành phố vườn đầu tiên trên thế giới - thành phố Letchworth; đến năm 1920, tại khu vực cách thủ đô London 35 km về phía Tây Bắc, lại tiếp tục xây dựng tiếp thành phố vườn thứ 2 - thành phố Welwyn (Welwyn Garden City). Mục đích xây dựng 2 thành phố vệ tinh này đầu tiên là do áp lực ngày càng lớn do việc thiếu hụt nhà ở tại London, do đó, khi quy hoạch chủ yếu là xem xét chức năng cư trú.

Vào thập niên 1940, nước Anh vẫn tiếp tục bùng nổ phong trào xây dựng đô thị vệ tinh. Theo quy hoạch thành phố London, trong phạm vi bán kính 48 km tính từ trung tâm được chia thành 4 vành đai: vành đai trung tâm, vành đai ngoại ô, vành đai xanh và vành đai vòng ngoài khu vực nông thôn; trong phạm vi bán kính 50 km tính từ trung tâm London, xây dựng 8 thành phố vệ tinh. 8 đô thị vệ tinh này được xây dựng sau khi rút ra bài học kinh nghiệm từ những trước dự án trước, mục tiêu đặt ra cho

các đô thị vệ tinh này là phải “vừa có thể sinh sống vừa có thể làm việc, cân bằng nội bộ và tự chủ”, ưu tiên xây dựng các dự án công nghiệp để có thể giải quyết việc làm cho cư dân sau khi tập trung sinh sống tại các đô thị vệ tinh.

Để đạt hiệu quả cao trong công tác xây dựng đô thị vệ tinh ở Anh, một phần không nhỏ là nhờ vào các chính sách của Nhà nước. Năm 1909, “Luật quy hoạch đô thị, nhà ở” đã được ban hành. Đến năm 1946, Quốc hội Anh đã thông qua “Luật đô thị vệ tinh”, dựa trên hình thức pháp luật để xác định chủ trương và chiến lược xây dựng đô thị vệ tinh. Năm 1952, Anh ban hành “Luật mở rộng, phát triển đô thị và nông thôn”, đã góp phần trong công tác cải tạo và mở rộng các thành phố cũ bao quanh London. Năm 1960, xây dựng quy hoạch chung thành phố London, đối với các kinh phí xây dựng, khả năng thu hút ngành công nghiệp và nhân khẩu đều được đưa vào trong bản quy hoạch chi tiết.

Trong quá trình phát triển đô thị, việc xây dựng đô thị vệ tinh London sẽ do công ty phát triển xây dựng London thực hiện, nhưng mọi hoạt động của công ty sẽ chịu sự giám sát nghiêm ngặt của Chính phủ.

2. Mô hình đô thị vệ tinh của Pháp

Bối cảnh để nước Pháp quyết tâm thực hiện xây dựng đô thị vệ tinh đó là: Từ cuối thế kỷ XIX, sau khi tăng tốc phát triển công nghiệp, địa giới của thủ đô Pari không ngừng mở rộng, do thiếu quy hoạch, nên hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp nằm ngoài vùng ngoại ô Pari đã tự phát xây dựng tập trung, các khu nhà ở riêng rẽ cũng được xây dựng tràn lan quanh khu vực công nghiệp, đã làm hạn chế sự phát triển của đô thị.

Năm 1932, để tăng cường quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, chính phủ Pháp đã quyết định phá dỡ và quy hoạch lại khu hành chính trước đây, căn cứ theo nhu cầu phát triển khu vực để xây dựng lại cấu trúc cho thủ đô Pari, đồng thời bắt đầu quy hoạch đô thị theo

đúng nghĩa của nó. Từ năm 1930 đến năm 1950, Thủ đô Pari đã trải qua 2 lần thực hiện đại quy hoạch, nội dung cốt lõi vẫn là hạn chế sử dụng đất đô thị để xây dựng, bảo vệ đất trong trung tâm đô thị, giảm mật độ khu vực trung tâm, nâng cao mật độ vùng ngoại ô, thúc đẩy phát triển cân bằng trong khu vực.

Năm 1965, Pháp đã ban hành “Luật Quy hoạch đô thị” đồng thời đề xuất: trong bán kính từ 25 - 30 km, tính từ trung tâm thủ đô Pari, sẽ xây dựng 5 đô thị vệ tinh với quy mô dân số dài hạn dự kiến từ 200.000 - 300.000 người. Quy mô dân số tại các đô thị vệ tinh của Pháp bình quân là 300 nghìn người, các đô thị vệ tinh đều có môi trường tự nhiên tươi đẹp, dịch vụ hạ tầng hoàn thiện và có nhiều cơ hội việc làm cho người dân, người dân sinh sống tại những đô thị vệ tinh được hưởng cuộc sống tương đương với cuộc sống trong trung tâm thủ đô Pari.

Trong quá trình mở rộng và phát triển đô thị, phần lớn Chính phủ phải gánh vác mọi chi phí phát triển, đồng thời, khu vực được mở rộng và phát triển sẽ được giao nhiều quyền hành hơn, như vậy, khu vực xây dựng đô thị vệ tinh sẽ có được quyền tự chủ và chủ động. Điều đặc biệt đáng chú ý là, nước Pháp đã đặt lợi ích của việc xây dựng đô thị vệ tinh và những người tham gia thực hiện gắn kết chặt chẽ với nhau, trong tương lai, nhân viên quy hoạch và xây dựng đô thị vệ tinh sẽ là cư dân sống trong đô thị vệ tinh, tổ chức nghiên cứu đô thị vệ tinh cũng cũng là tổ chức quản lý.

3. Mô hình đô thị vệ tinh của Hoa Kỳ

New York là một trong những đô thị lớn trên thế giới, từ thế kỷ 20 trở lại đây đã trải qua rất nhiều quá trình đô thị hoá lớn nhỏ, cùng với việc đô thị ngày càng mở rộng, môi trường sống của người dân đang ngày càng bị đe dọa, lần lượt các chiến lược chuyển đổi đô thị được thực hiện và lịch trình ngoại ô hoá được bắt đầu.

Từ những năm 1950 đến 1960, thông qua những chính sách khuyến khích phát triển khu dân cư ngoại ô, dân cư trung tâm New York dần

dân tự nguyện di chuyển nơi ở. Cùng với việc xây dựng các trung tâm mua sắm, cửa hàng thương mại... và nhiều hạ tầng khác tại khu vực ngoại ô, đồng thời các doanh nghiệp cũng bắt đầu được di dời, việc làm này đã giúp cho các khu chức năng trong trung tâm đô thị giảm bớt áp lực. Trên cơ sở đó, thiết lập đô thị vệ tinh đáp ứng đầy đủ điều kiện sống, mua bán, vui chơi giải trí... và nhiều chức năng đô thị khác, có thể nói, thành phố New York đã trải qua một sự thay đổi cơ bản. Trong quá trình ngoại ô hoá, Chính phủ Hoa Kỳ một mặt thúc đẩy chính sách hỗ trợ xây dựng đường cao tốc quy mô lớn, không ngừng hoàn thiện mạng lưới giao thông đi lại giữa đô thị vệ tinh với đô thị trung tâm; Mặt khác, khuyến khích những người có thu nhập cao mua nhà tại khu vực ngoại ô. Mặc dù khu vực ngoại ô giúp giảm bớt áp lực cho khu trung tâm, nhưng cũng gây ra tình trạng mật độ đô thị mở rộng một cách bừa bãi, nên dẫn đến hậu quả ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, chi phí

lớn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời, nơi làm việc và nơi ở của người dân lại cách quá xa nhau, nên cũng làm tăng chi phí thời gian và kinh tế, làm giảm đáng kể chất lượng cuộc sống của cư dân đô thị.

Vào những năm 90, Hoa Kỳ đã thiết lập khái niệm “tăng trưởng thông minh” đó là xây dựng đô thị tương đối tập trung, nơi làm việc và nơi ở sẽ rút ngắn khoảng cách càng gần càng tốt; sử dụng lại và phát triển khu đất công nghiệp bị ô nhiễm, đất bị bỏ hoang, tiết kiệm chi phí của các dịch vụ công cộng và cơ sở hạ tầng. Hiện nay, 85% các dự án đô thị vệ tinh của Hoa Kỳ đều lựa chọn và thực hiện theo khái niệm này.

Trương Minh Duệ

Nguồn: <http://www.zgghw.org>

(Trang Web Quy hoạch Trung Quốc,

ngày 6/6/2014)

ND: Bích ngọc

Thảo luận về việc xây dựng hệ thống thu gom vận chuyển rác thải khu vực nông thôn

Cùng với mức độ tiêu dùng sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn và các thị trấn nhỏ ngày càng nâng cao, cùng sự phổ biến của các sản phẩm tiêu dùng thường ngày được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp hiện đại là những yếu tố dẫn đến hệ lụy là lượng rác thải sinh hoạt tăng lên chóng mặt. Phần lớn lượng rác thải này hoặc vứt tràn lan khắp nơi hoặc chất thành đống ở khu vực công cộng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Yêu cầu của mục tiêu nông thôn mới xã hội chủ nghĩa là “Sinh hoạt phát triển, thoải mái, môi trường sạch sẽ, văn minh, quản lý dân chủ”. Vì vậy, biện pháp trực tiếp nhằm thực hiện mục tiêu làm sạch môi trường nông thôn là xây dựng hệ thống xử lý, thu gom và vận chuyển rác thải khu vực nông thôn và thị trấn nhỏ. Đặc biệt là các khu vực nông thôn và thị trấn nhỏ trọng điểm từ

cấp huyện trở xuống cần xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt.

Rác thải sinh hoạt cần xử lý tập trung, nhưng mức độ tập trung và khả năng chi trả cho công tác vận chuyển là hai yếu tố mâu thuẫn, là khó khăn của khu vực nông thôn có năng lực tài chính hạn chế, vì vậy biện pháp xử lý hiện nay là thu gom có hạn và xử lý tập trung.

Điều kiện cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn và thị trấn nhỏ thường rất hạn chế, như đường giao thông chưa thuận tiện, tỉ lệ gia đình sử dụng khí đốt còn thấp... hàm lượng rác vô cơ trong rác thải sinh hoạt cao, nếu không tiến hành phân loại thu gom mà tập trung rác thải vận chuyển với khoảng cách xa thì rõ ràng là không đảm bảo tính kinh tế và không nên áp dụng. Đối với rác thải hữu cơ có thể phân hủy nếu áp dụng biện pháp thu gom vận chuyển với

khoảng cách xa cũng không đảm bảo tính kinh tế, hơn nữa không có lợi cho việc tận dụng tái chế tài nguyên rác thải.

Nhìn từ thực tế hiện nay, thu gom phân loại rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn và thị trấn nhỏ là biện pháp khả thi hơn. Nhất là đối với Trung Quốc, do nông thôn vây quanh thành phố nên việc thu gom phân loại rác thải sinh hoạt sẽ do nông thôn đi đầu thực hiện.

Tác giả cho rằng, so với việc đầu tư 20 triệu nhân dân tệ để xây dựng một bãi chôn rác quy mô nhỏ thì việc đầu tư 2 triệu nhân dân tệ để thực hiện thu gom phân loại rác sẽ đảm bảo tính kinh tế và khả thi hơn.

Mật độ dân số ở khu vực nông thôn và thị trấn nhỏ khá nhỏ, mức độ lưu động thấp, thời gian sinh hoạt của người dân khá tương đồng, hàng xóm quen thân, thường xuyên giao lưu nên chỉ cần chính quyền tổ chức hướng dẫn thích đáng, hoàn toàn có thể thực hiện tốt công tác thu gom phân loại rác. Ngoài ra, gần khu vực các thôn và thị trấn nhỏ có khá nhiều đất ruộng và đất rừng có thể tận dụng để tập kết rác thải. Tất nhiên, việc thu gom phân loại rác thải sinh hoạt là 1 hạng mục công trình vụn vặt, mang tính chất lâu dài và cần nguồn vốn đầu tư ổn định, hơn nữa cơ chế đầu tư hiện hành chưa thuận lợi cho việc triển khai phân loại rác thải sinh hoạt, rất nhiều địa phương sẵn sàng đầu tư mấy chục triệu nhân dân tệ để xây dựng công trình xử lý rác thải, nhưng lại thiếu hứng thú đối với việc đầu tư mấy triệu tệ hay thậm chí mấy trăm nghìn tệ để triển khai phân loại rác thải sinh hoạt.

Trọng điểm công tác xây dựng hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải nông thôn và thị trấn nhỏ là xây dựng cơ cấu nhân viên, tức là xây dựng mô hình doanh nghiệp hóa chuyên trách thu gom tập trung, vận chuyển và xử lý các loại bao rác, phương thức chính là xây dựng dạng hệ thống thu gom phế phẩm.

Tiến hành quy hoạch theo sự phân chia khu vực hành chính các địa phương với bãi xử lý rác

thải sinh hoạt cấp huyện làm trung tâm, trọng điểm là tập trung thu gom các loại bao rác. Đối với các hộ nông dân, tiến hành tận dụng tại chỗ các loại rác thải hữu cơ có thể phân hủy, các loại rác thải tro như phế liệu xây dựng, gạch ngói tiến hành chôn lấp tại chỗ. Đối với cư dân khu vực thị tứ, tiến hành tập trung thu gom các loại rác thải có thể phân hủy như cơm thừa canh cặn và các loại rác thải tro như phế liệu xây dựng, sau đó tiến hành xử lý ở các điểm xử lý rác thải khu vực thị tứ.

Các huyện (thị, khu) cần tăng cường tổ chức lãnh đạo công tác thu gom xử lý rác thải nông thôn, xây dựng và kiện toàn đội ngũ nhân viên vệ sinh môi trường và các công cụ quét dọn, vận chuyển vệ sinh cần thiết ở khu vực nông thôn, đạt yêu cầu mỗi hộ đều có thùng rác riêng, mỗi thôn đều có kho tập kết rác, mỗi hương (trấn) đều có trạm tập trung rác và điểm xử lý rác thải. Tổ chức đội ngũ công nhân vệ sinh môi trường, lập tiêu chuẩn công tác.

Bố trí nhân viên cấp thôn: cứ trung bình 1.000 dân bố trí 1 nhân viên vệ sinh. Trách nhiệm chính là vận chuyển rác thải thu gom đến trạm rác thải hương (trấn), tần suất thu gom 12 tuần/lần; làm vệ sinh trong phạm vi thôn; chỉ đạo phân loại và vệ sinh rác, đồng thời phụ trách tuyên truyền và giám sát các hộ gia đình.

Bố trí nhân viên khu phố khu vực thị tứ: cứ trung bình 500 nhân khẩu thì bố trí 1 nhân viên thu gom vệ sinh rác. Trách nhiệm chính là vận chuyển rác thu gom từ trạm xử lý rác đến bãi xử lý rác thải cấp huyện, tần suất thu gom là 12 tuần/lần; thu gom các loại bao rác trong phạm vi khu phố; chỉ đạo phân loại và vệ sinh rác, đồng thời phụ trách tuyên truyền giám sát các hộ gia đình.

Ở khu vực thị tứ, do lượng rác thải sinh hoạt tập trung ít và phân tán nên phải thiết lập nhiều hệ thống vận chuyển độc lập làm tăng chi phí vận chuyển, hơn nữa bất lợi cho công tác bảo dưỡng hệ thống. Như vậy cần xây dựng hệ thống vận chuyển thống nhất, tiếp tục giảm bớt

chi phí vận chuyển, điều chỉnh phù hợp với khả năng tài chính của khu vực. Kết hợp cả phương thức thu gom có hạn và tập trung xử lý.

Thu gom có hạn là không yêu cầu xử lý vệ sinh ngay trong ngày, mà có thể là 12 lần/tuần, khoảng cách vận chuyển khoảng 30 - 50 km. Trọng điểm của phương thức thu gom có hạn là tiến hành tập trung thu gom, vận chuyển và xử lý các loại bao rác, từng bước xây dựng cơ chế phân loại rác thải độc hại trong các hộ gia đình và các loại rác thải công nghiệp khác. Phương thức chính là thu gom theo mô hình thâm canh giống như mô hình chuỗi hệ thống siêu thị.

Rác thải thu gom từ phương thức tập trung thu gom xử lý chủ yếu là các loại bao rác sản sinh ra trong quá trình sản xuất công nghiệp hóa, sau khi đạt quy mô nhất định sẽ thuận tiện cho việc thực hiện tận dụng nguồn vật liệu hoặc năng lượng.

Hiện nay, lượng rác thải sinh hoạt cần tập trung thu gom xử lý của khu vực nông thôn và thị trấn nhỏ trên toàn quốc khoảng 100 triệu tấn (căn cứ 0,5 kg/người, phục vụ dân số 500 triệu người, trong đó không bao gồm các khu kinh tế phát triển như khu Tô Nam, Bắc Kinh, Thượng Hải, Triết Giang, vì những khu vực này đã hoặc đang triển khai hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt đồng bộ đô thị và nông thôn, căn cứ vào giá thành thu gom rác thải 300 tệ/tấn, xử lý rác thải 100 tệ/tấn, thông qua phương thức thuê

mua phục vụ thì mỗi năm phải đầu tư 40 tỷ nhân dân tệ.

Tóm lại, việc thu gom rác thải thôn và thị trấn nhỏ liên quan đến bảo vệ và an toàn nguồn đất, nước và môi trường không khí, nhưng năng lực tài chính của làng và thị trấn nhỏ luôn là khâu yếu nhất, nhất là các khu vực kinh tế kém phát triển. Vì vậy, việc thu gom rác thải khu vực làng và thị trấn nhỏ nên áp dụng chính sách như giáo dục, vệ sinh, đưa vào phạm trù phục vụ công cộng cơ bản xã hội.

Ngoài ra cũng cần xây dựng cơ chế khích lệ và bồi thường. Căn cứ vào yêu cầu, các địa phương tiến hành phân loại chất hữu cơ và vô cơ thì nên miễn trừ hoặc giảm phí xử lý rác thải sinh hoạt cho các hộ dân khu vực đó. Người dân có thể tận dụng các chất hữu cơ và vô cơ này ngay tại chỗ, các chi phí thu gom và xử lý rác thải khác sẽ do chính quyền cấp huyện trở lên chịu trách nhiệm. Chính quyền cấp huyện kiểm tra, đánh giá tình hình vệ sinh môi trường khu vực nông thôn và thị trấn nhỏ, trong đó đặc biệt chú trọng kiểm tra tình hình thu gom rác thải sinh hoạt ngoài khu vực chất hữu cơ và vô cơ.

Từ Hải Vân

*Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc
(Đăng ngày 21/11/2014)*

ND: Hoàng Đại Hải

HỘI THẢO VỀ THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2014



TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục hạ tầng kỹ thuật - BXD phát biểu tại Hội thảo



TS. Dirk Pauschert - Giám đốc chương trình GIZ trình bày tham luận tại Hội thảo